

KINH THÁNH CỦA CÁC BẠN TRẺ

Bản dịch của Gs. Nguyễn Đăng Trúc - Lm. Võ Thành

Mục Lục

Dẫn Nhập.....	3
1. Lạy Chúa là Thượng Đế, Ngài thật cao cả!	7
2. "Lạy Chúa, Chúa tha thứ lỗi lầm cho dân Chúa"	17
3. "Ta sẽ làm cho con thành một dân tộc lớn"	34
4. "Thiên Chúa ở với Giuse"	38
5. "Ta sẽ đưa các con ra khỏi Ai Cập"	48
6. "Ta là Chúa, Thiên Chúa người"	60
7. "Ta sẽ kết một giao ước với các người"	68
8. "Ta ban cho các người một xứ sở"	74
9. "Chúa cai trị"	84
10. "Hãy tìm kiếm Ta và các người sẽ được sống" ...	105

CỰU ƯỚC

Dẫn Nhập

Cựu Ước là một tuyển tập các sách đã được thu thập qua nhiều thế kỷ. Nhiều nhân vật sống theo tinh thần của Thiên Chúa đã tham dự vào việc thành hình các cuốn sách này. Những gì các vị đã viết ra vẫn còn giá trị ngày nay. Những sách đó:

-- Làm chứng sự tốt lành của Thiên Chúa và tình yêu của Ngài đối với con người, mặc dầu đôi lúc việc làm chứng đó đối với chúng ta dường như không thể hiểu được và bí ẩn;

-- Kể lại cho chúng ta cuộc đời của các nhân vật sống gần gũi với Thiên Chúa và sống bằng tình yêu Thiên Chúa;

-- Quả quyết cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa ban sự sống cho con người và bảo vệ sự sống đó;

-- Là những pho sách ca tụng Thiên Chúa; Chúng cũng trình bày với Thiên Chúa nhu cầu của con người và hoàn cảnh bi thương cần đến sự nâng đỡ của Thiên Chúa;

-- Nhắc nhở cho thấy những ai tránh xa Thiên Chúa phải gặp thất bại và diệt vong.

Qua những việc làm chứng nơi Cựu Ước, một cách nào đó chính Thiên Chúa nói với chúng ta và chỉ rõ cho chúng ta việc Ngài can thiệp để cứu con người và các dân tộc. Việc can thiệp của Thiên Chúa thường khó nhận thấy. Chỉ sau khi sự việc xảy ra, kẻ nào tin mới nhận ra rằng Thiên Chúa không bỏ họ và luôn ở với họ.

Bằng cách này, các sách Cựu Ước có thể giúp chúng ta chân nhận sự có mặt của Thiên Chúa trong cuộc sống chúng ta. Chúng ta không biết hết tất cả tên tuổi những người đã viết hoặc thu thập các sách Cựu Ước. Nên một số sách của Cựu Ước mang những danh xưng riêng.

Một trong những tác giả xưa nhất của Kinh Thánh là **"kẻ gọi Chúa là Giavê"** người đó sống trong thời các vua David và Salômôn và viết các sách ở Giêrusalem vào khoảng năm 950 trước Chúa Giêsu Kitô. Tác giả thu thập các câu chuyện truyền miệng hoặc có thể đã được viết thành văn. Với tổng hợp này, tác giả làm thành một cuốn sách nhỏ. Đặc điểm của tác giả là luôn gọi Thiên Chúa là "Giavê". Mục đích của vị này là thuyết phục tất cả dân cư của vương quốc Israel tin rằng Giavê là Thiên Chúa chân thật duy nhất. Đức tin vào Giavê giúp mọi người và mọi dân tộc biết được Ngài là Thiên Chúa chân thật.

Tác giả thứ hai, gọi là "*Người gọi Chúa là Elohim*" vì người này gọi Thiên Chúa là "Elohim". Dựa vào những câu chuyện xưa về lịch sử dân tộc mình, tác giả viết sách vào các thế kỷ thứ IX và thứ VIII trước Chúa Giêsu Kitô. Vị này sống ở vương quốc phía Bắc, vào thời kỳ mà đức tin vào Thiên Chúa của dân Israel bị thử thách trước những ảnh hưởng của người xứ lạ. Tôn giáo của xứ Canaan bấy giờ được vua, triều đình và dân chúng có phần yêu thích. Do vậy, "người gọi Chúa là Elohim" luôn nhấn mạnh đến sự tuân phục Thiên Chúa của Israel. Tác giả cho rằng thời buổi hiện tại là một giai đoạn đầy thử thách và thanh luyện.

Vào khoảng năm 550 trước Chúa Giêsu Kitô, một số thầy cả lại tập hợp các chuyện cũ. Những bản văn họ viết ra tạo thành một tuyển tập lấy tên là "Các bản văn của các thầy cả" hoặc "Sách các thầy cả". Các thầy cả này viết trong thời lưu đầy, khi con dân của Israel không còn vương quốc. Vương quốc đã mất, các vị lãnh tụ dân chúng bị lưu đầy tại Babylone và Đền thờ Thiên Chúa bị phá hủy.

Bởi vì mọi sự hầu như đã mất, các thầy cả cố tìm một lối sống mới để thể hiện đức tin bằng cách nhấn mạnh nhiều vào phụng vụ, vào công việc thờ phượng. Họ hy vọng với cách này dân Israel tìm lại được an bình và sự cứu độ. Họ luôn tin tưởng vào sự trung thành của Thiên Chúa và cổ vũ dân chúng đáp trả lại bằng chính sự trung tín của mình.

Kể từ thế kỷ thứ VII trước Chúa Giêsu Kitô, ta thấy một bối cảnh lịch sử xuất hiện đó là cuốn "Sách Luật". Các tác giả sách này kể lại cho ta hay bằng cách nào dân chúng đã từ bỏ Thiên Chúa của họ. Vì Israel xa Chúa, nên phải chịu những cuộc tấn công của quân thù và phải bị lưu đày. "Sách Luật" khẩn khoản kêu mời dân Israel trở lại và vâng phục Thiên Chúa, với niềm hy vọng là nếu họ trung tín trở lại, Thiên Chúa sẽ cho họ được quay về quê cũ.

Ngay vào thế kỷ thứ IX, các "sứ ngôn" xuất hiện như là phát ngôn viên của Thiên Chúa để nói với dân Israel. Các vị tố cáo lỗi hư đốn, bất công và thiếu đức tin của nhiều người dân Israel, và thúc bách họ hối cải. Các vị nhấn mạnh rằng Thiên Chúa tha thiết với vận mệnh của nhân loại. Thiên Chúa không bỏ rơi loài người, trái lại, Ngài đặc biệt cứu giúp người bị nhục nhằn và bị áp bức.

Cuốn "Thánh Kinh của các bạn trẻ" công hiến một số bản văn Cựu Ước được chọn lựa. Đặc biệt chú tâm ghi lại các đoạn nói cho các bạn trẻ vào thời buổi hôm nay. Các bản văn này gợi lên những câu hỏi quan trọng nhất chất vấn con người của mọi thời đại và luôn có giá trị đối với chúng ta bây giờ:

-- thế giới và con người

-- lỗi và tội

-- đức tin chân thật

-- bất công, áp bức và khốn cùng

-- công lý, hòa bình và tương lai con người.

Những bản văn Kinh Thánh mà các bạn thấy trong cuốn Thánh Kinh của các bạn trẻ có thể giúp bạn suy nghĩ về các câu hỏi đó. Chúng sẽ là nguồn can đảm và hy vọng, bởi vì chúng cho phép ta hé thấy việc làm của Thiên Chúa trong lịch sử loài người, và trong chính lịch sử riêng tư của chúng ta.

1. Lạy Chúa là Thượng Đế, Ngài thật cao cả!

Con người và vũ trụ chung quanh không tự mình mà có; chúng từ Thiên Chúa mà ra. Tạo vật là công trình của Ngài. Thiên Chúa đã tạo dựng nên trời và đất.

Chân lý đó được diễn tả bằng nhiều cách. Ở thời đại nào con người cũng đã tuyên xưng Thiên Chúa sáng tạo. Họ mô tả công việc tạo dựng bằng nhiều hình ảnh. Nhưng việc biết vũ trụ được thành hình cách nào điều đó không phải là điểm quan trọng nhất; điều đáng kể là việc xác tín vũ trụ do Thiên Chúa mà có.

Trong Ca Vịnh 104, người cầu nguyện ca tụng sự cao
 cả của Thiên Chúa Đấng đã tạo dựng mọi sự.
 Hồn tôi ơi, hãy ca tụng Thiên Chúa.
 Lạy Chúa, Ngài thật là cao cả!
 Ngài mặc lấy vẻ mỹ miều và đức độ cao sang,
 ánh sáng là áo khoác của Ngài.
 Ngài trải rộng bầu trời như tấm lều,
 Ngài xây nhà trên sóng nước.
 Mây ngàn là xe giá, Ngài bay lượn bằng đôi cánh gió;
 gió là kẻ đưa tin, ánh mặt trời là gia nhân của Ngài.
 Ngài đã đặt trái đất trên móng nền vững chãi,
 khó bề lung lay;
 đại dương lấy áo phủ đất đai,
 và nước đổ tràn trên núi đồi;
 nhưng nước đó đã tuân phục trước uy quyền Ngài,
 chúng làm mưa đổ ào ào trong cơn sấm động của Ngài.
 Chúng chảy qua núi đồi và đổ vào trong các thung lũng
 đến nơi mà Ngài đã định sẵn cho chúng.
 Ngài đã đặt một giới hạn cho nước,
 một bờ cản không thể vượt qua,
 để chúng không bao giờ còn lấp phủ mặt đất.
 Ngài làm cho suối tuôn trào,
 chảy qua khe vực;
 thú vật đồng nội đến sông uống nước,
 lừa hoang có thể giải khát;
 chim trời đậu trên bờ,
 và tiếng ca vang vọng trong cây lá um tùm.

Từ nơi Ngài cư ngụ, Ngài vun tưới núi đồi,
 đất đen nhuần thấm mây mưa;
 Ngài làm cỏ mọc nuôi đàn thú vật,
 cho con người trồng trọt cây trái,
 đã nhờ đất có bánh ăn,
 rượu uống tạo niềm hoan lạc,
 dầu thơm làm tươi nét dung nhan,
 lương thực tăng cường sức lực.

Biết bao kỳ công Ngài đã làm, lạy Thiên Chúa tôi!
 Và Ngài đã làm ra tất cả một cách khôn ngoan;
 tạo vật trái tràn trái đất.

Tôi muốn suốt đời ca tụng Chúa,
 được sống ngày nào, tôi ao ước nhảy mừng Thiên
 Chúa.

Bài ca của tôi mong Ngài vui nhận;
 tôi muốn hỉ hoan với Thiên Chúa tôi. (TV 104:1-15,
 33-34)

Tác giả được gọi là "**người gọi Chúa là Giavê**", đã viết đoạn văn sau đây ở Giêrusalem vào khoảng năm 950 trước Chúa Giêsu Kitô. Người đó kể lại việc tạo dựng con người với một lối văn gọi hình. Sau khi dựng nên con người, Thiên Chúa làm cho nó một vườn cây. Và con người nhận trách nhiệm trông trọt và săn sóc khu vườn đó. Người gọi Chúa là Giavê đã dùng cách đó để nói lên đức tin của mình vào Thiên Chúa Đấng tạo dựng con người và giúp cho nó sống. Qua

tiến trình lịch sử của mình, dân Israel đã thấy được việc Chúa thật sự lo lắng cho con người.

Trong truyện này, người của Giavê muốn độc giả của mình kếp hợp với Thiên Chúa đầy tình thương yêu và trung thành, Thiên Chúa hằng săn sóc con người. Khi Chúa làm ra trời và đất, chưa có một tùm cây nào trong đồng nội, cỏ chưa hề mọc lên, vì Chúa chưa cho mưa xuống và chưa có người nào để cày cấy, nhưng một nguồn suối đã trào phun ra từ mặt đất để tưới phủ mặt trên. Bấy giờ Chúa nắn con người bằng đất sét và thổi vào mũi nó một làn hơi sống, từ đó con người trở thành một hữu thể có sự sống. Chúa làm một vườn cây ở Địa Đàng, phía Đông, và để con người đã được nắn ra sống trong đó. Ngài cho đất mọc lên đủ loại cây xinh đẹp và có trái ngon; và ở giữa vườn, là cây của sự sống và biết điều thiện và điều ác. Bấy giờ Chúa đặt người sống trong vườn Địa Đàng để trông trọt và săn sóc vườn. Ngài răn dạy con người như sau: "Con có thể ăn các trái của tất cả các loại cây ở trong vườn, trừ trái của cây biết điều thiện điều ác; nếu con ăn những trái của cây biết điều thiện và điều ác, con sẽ chết". (ST 2:8-9; 15-15)

Sau đó Chúa nói: ***"Người ở một mình không tốt. Ta sẽ cho nó một sự giúp đỡ hợp với nó"***. Và Chúa lấy đất làm ra tất cả thú vật đồng nội và tất cả chim trời; Ngài đem đến cho con người để người đó cho chúng một tên gọi. Con người gọi tên các loài vật, chim trời và thú vật đồng nội,

nhưng con người không thấy sự giúp đỡ đó hợp với mình. Bây giờ Chúa là Thiên Chúa cho con người ngủ mê; Ngài lấy một xương sườn và làm cho thịt liền lại. Với khúc xương sườn Ngài đã rút ra, Thiên Chúa làm nên một người phụ nữ và đem đến cho người đàn ông. Adong reo lên: "Bà này đúng là xương từ xương tôi và thịt từ thịt tôi". Vì thế người đàn ông bỏ cha mình và mẹ mình và kết hợp vợ mình, và họ trở nên một thân thể duy nhất. Cả hai, đàn ông cũng như đàn bà đều trần truồng. Nhưng họ không biết hổ ngươi. (ST 2:18-25)

Vào thời lưu đày, khoảng 550 trước Chúa Giêsu Kitô, một vài thầy cả nói lên đức tin của mình vào Thiên Chúa, Đấng Tạo Dựng. Họ sống vào thời kỳ khủng hoảng toàn diện: đàn ông, đàn bà đã bị lưu đày tại Babylone. Bây giờ, vương quốc đã sụp đổ, dân Israel mất quê hương. Bị lưu đày ở Babylone, người Do Thái trung tín không thể đến cầu nguyện tại đền thánh Giêrusalem. Trước cơn khủng hoảng này, các thầy cả muốn ổn định lại trật tự bằng cách đề nghị một lối sống mới theo đức tin, nên họ kể lại chính Chúa đã xây dựng trật tự từ tình trạng hỗn loạn thuở ban đầu của thế giới. Thế giới được xếp đặt thứ tự đã tồn tại nhờ lời Chúa. Cũng một cách đó, các thầy cả xác tín rằng Chúa là chủ của trật tự trong thế giới, Ngài sẽ tác tạo lại Israel và trả lại quê hương cho họ.

Thuở ban đầu Chúa dựng trời và đất. Đất bấy giờ là một mớ hỗn độn; bóng tối phủ đầy và Thần Khí Chúa là đà trên mặt nước. (ST 1:1-2)

Chúa phán: **"Hãy có ánh sáng"**. và ánh sáng xuất hiện. Chúa thấy ánh sáng tốt đẹp; và Ngài tách ánh sáng khỏi bóng tối. Ngài gọi ánh sáng là "ngày" và bóng tối là "đêm". Thế là một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ nhất.

Và Chúa phán: **"Hãy có một bầu trời tách nước ra khỏi nhau"**. Và Chúa đã làm nên bầu trời để tách nước dưới bầu trời và nước ở trên bầu trời. Chúa gọi bầu trời là "trời". Lại có một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ hai.

Và Chúa phán: **"Nước dưới bầu trời hãy tụ lại một nơi và đất khô hãy xuất lộ"**. Và sự việc xảy ra như thế. Chúa gọi đất khô là "đất" và khối nước là "biển". Và Chúa thấy việc đó tốt đẹp.

Và Chúa phán: "Đất hãy sinh cỏ xanh, đủ loại hoa màu và các cây đâm trái theo loại của mình và mọc đầy trên đất". Và Chúa thấy việc đó tốt đẹp. Có một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ ba.

Và Chúa phán: **"Hãy có các tinh tú trên bầu trời để phân định ngày đêm. Chúng hãy trở thành dấu chỉ các**

ngày lễ cũng như các ngày và năm, chúng hãy rực lên trên bầu trời để chiếu sáng trái đất. Và việc xảy ra như thế.

Chúa đã tạo dựng hai tinh tú: cái lớn để làm chủ ban ngày và cái nhỏ làm chủ ban đêm; và sau đó là các ngôi sao. Ngài đặt chúng trên bầu trời để chiếu sáng trái đất, để làm thành ngày và đêm, để phân định ánh sáng và bóng tối. Và Chúa thấy việc đó tốt đẹp. Có một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư.

Và Chúa phán: ***"Nước hãy có đầy sinh vật và chim trời hãy bay nhảy trên đất"*** Và Chúa đã dựng các quái vật ở biển cả và các sinh vật sống đầy dưới nước cũng như tất cả các loài chim. Và Chúa thấy việc đó tốt đẹp. Và Chúa chúc lành chúng như sau: ***"Hãy sinh sản đầy tràn ở trong nước biển; chim chóc hãy tăng bội trên đất"***. Có một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ năm.

Và Chúa phán: ***"Đất hãy sản sinh đủ thứ giống vật: gia súc, bò sát và thú rừng"***. Và sự việc xảy ra như thế. Chúa đã tạo dựng đủ thứ thú rừng, gia súc và bò sát đầy trên mặt đất. Và Chúa thấy mọi việc đó tốt đẹp. (ST 1:3-25)

Trong các chuyện tích kể lại, các thầy cả cố gắng nói lên việc tạo dựng con người theo một quan điểm đặc biệt. Họ muốn cho thấy con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và giống với Ngài. Các thầy cả không muốn giải

thích bằng cách nào con người xuất hiện ra trên trái đất; mục đích của họ là nhắc nhở cho con người nhớ sứ mạng mà Chúa giao phó: làm cho hỗn loạn tan biến và đem lại trật tự cho trái đất, sau đó là bảo vệ cho thiên nhiên ổn định nhịp nhàng.

Và Chúa phán: ***"Chúng ta hãy làm con người theo hình ảnh chúng ta, giống với chúng ta, để nó chế ngự cá biển, chim trời, loài vật ở trên đất và các loài bò sát"***. Và Chúa đã dựng con người theo hình ảnh Ngài; Ngài tạo dựng ra đàn ông và đàn bà. Và Chúa chúc lành cho họ như sau: ***"Các con hãy sinh sản và nhân tăng lên, hãy sống đầy mặt đất, hãy thống trị nó và chế ngự cá biển, chim trời và tất cả các thú vật bò sát trên mặt đất"***.

Và Chúa phán: ***"Các con xem, Ta ban cho các con hoa màu và cây ăn trái; đó sẽ là thức ăn của các con; và cỏ xanh sẽ làm thức ăn cho tất cả thú vật trên đất, chim trời, mọi vật bò sát và sinh vật khác"***. Và sự việc đã xảy ra đúng như thế.

Chúa thấy mọi Ngài đã làm, và việc đó tốt đẹp. Có một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu. Thế là hoàn tất việc tạo dựng trời đất và tất cả những gì ở trong đó. (ST 1:26 - 2:1)

Ngày thứ bảy, Chúa xét rằng công việc Ngài đã tác tạo hoàn thành, và ngày đó, Ngài nghỉ việc. Chúa chúc lành ngày thứ bảy và tuyên bố ngày đó là ngày thánh, bởi vì, ngày đó, Ngài nghỉ ngơi sau khi hoàn tất công việc tạo dựng. (ST 2:2-3)

Vào thời kỳ lưu đày, khoảng năm 550 trước Chúa Giêsu Kitô. Một ngôn sứ mà các nhà thông thái gọi là Deutêrô-Isaia hay Isaia thứ hai, loan báo sứ điệp Chúa giao phó cho ông. Chúa là chủ lịch sử, các thần khác không làm gì được Ngài; Ngài là Thiên Chúa chân thật duy nhất.

Ngôn sứ cũng đã gọi lên tất cả kỳ công mà Thiên Chúa đã làm và được người dân Israel biết đến. Một điều chắc chắn: Chúa không bỏ tạo vật Ngài đã dựng nên và sẽ là Đấng cứu độ họ trong thời kỳ sắp đến.

Có ai từng dò biển sâu với lòng bàn tay mình,
 với đo trời cao bằng ngón tay chỉ chỗ của mình?
 Có ai lấy thước đo toàn khối trái đất,
 lấy quả cân lường núi
 và lấy cân lường đồi?
 Có ai sai khiến được Thần Khí Thiên Chúa
 và thầy đời nào có thể dạy bảo Ngài?
 Chúa cần hỏi ai để phán đoán
 để học hỏi nẻo công chính
 và biết được con đường khôn ngoan cao vời?

Các người có thể lấy ai để so với Thiên Chúa,
và dùng hình ảnh nào để chỉ về Ngài?

"Các người lấy ai để so với Ta,
và có ai có thể đồng hành với Ta?"

Hãy nhìn lên để xem:

Ai đã từng tạo ra các tinh tú?

Ngài là Đấng xoay chuyển ngàn vì sao,
và gọi tên chúng tất cả.

Sức mạnh của Ngài quả vô địch, uy dũng của Ngài quả
lớn lao đến nỗi không vì sao nào không quy phục.

Hỡi Giacóp, tại sao người dám nói, Israel, tại sao người
dám quả quyết

"Những gì xảy ra cho tôi Chúa không nhìn thấy,
quyền lợi của tôi Chúa đã không đoái hoài?"

Người không biết sao? Người đã quên rồi sao?

Chúa là Thiên Chúa đòi đòi

Đấng đã tạo dựng tất cả biển bờ của thế giới.

Ngài không hề mỏi mệt, không hề nghỉ ngơi; khôn
ngoan của Ngài vô tận.

Ngài ban sức mạnh cho kẻ mệt mỏi,

Ngài tăng cường uy dũng cho kẻ yếu hèn

(IS 40,12-14. 18.25-29)

Dân Israel dầu phải gặp những kinh nghiệm ê chề, chịu
khổ đau và hăm dọa, nhưng kẻ tin Thiên Chúa vẫn cất lên
những bài ca tán tụng đấng Sáng Tạo. Alleluia!

Ca tụng Thiên Chúa nơi thánh cung của Ngài,
 ca tụng Ngài vì sức mạnh uy dũng,
 ca tụng Ngài vì bao kỳ công,
 ca tụng Ngài với tất cả sự cao cả vô biên của Ngài;
 ca tụng Ngài bằng tiếng kèn thổi,
 ca tụng Ngài với lục huyền cầm và phong cầm,
 ca tụng Ngài theo nhịp trống liên hồi,
 ca tụng Ngài bằng đàn giây và các loại sáo,
 ca tụng Ngài bằng thanh la inh ỏi,
 ca tụng Ngài bằng thanh la vọng ngân.

Hỡi muôn sinh vật hãy ca tụng Thiên Chúa. Alleluia!
 (TV 150)

2. "Lạy Chúa, Chúa tha thứ lỗi lầm cho dân Chúa"

Con người không ngừng vấp phạm lỗi lầm, lỗi của mình và lỗi của kẻ khác, và gánh chịu những hậu quả.

Đối với người có lòng tin, lỗi lầm trực tiếp liên quan đến Thiên Chúa, chính vì thế người ta gọi lỗi này với danh từ "tội lỗi". Con người có thể xúc phạm đến Thiên Chúa nhiều cách. Khi đối xử bất công với người bên cạnh, làm thiệt hại, gây chiến và gieo tai vạ, con người tự tách mình ra khỏi người khác, thì đồng thời lánh xa Thiên Chúa và làm cho hạnh phúc và cuộc sống của chính mình lâm nguy. Các tác giả Kinh Thánh dùng các thí dụ để giải thích phương cách con người có thể từ chối tuân phục Thiên Chúa.

Cũng vì thế họ không che dấu những việc sai quấy của các bậc vua chúa, mà cuộc đời của họ đáng lý phải trở thành gương mẫu trước mặt Chúa. Nếu vua David đã là một chiến sĩ xuất sắc và là mẫu mực cho các vua Israel, thì các câu chuyện về đời ông cũng không quên nhắc lại các lỗi của ông đã phạm phải. Những câu chuyện đó thuật việc David đã không ngần ngại giết người vô tội để che dấu tội của mình.

Một buổi chiều kia, David ra khỏi giường đi dạo trên sân điện. Từ vương cung, vua thấy một người đàn bà đang tắm có nhan sắc rất hấp dẫn. David hỏi dò về người đàn bà này; người ta cho vua hay: "Đó là Bétxabê, vợ của Uri, một vị tướng trong quân đội của vua". David liền sai người triệu bà về cung. Người đàn bà đến và David ăn nằm với bà. Bétxabê về nhà; bà có thai và bà báo tin đó cho David: "Thiếp đã có thai". Bấy giờ David cho gọi Uri từ trận tuyến và ra lệnh cho ông phải về nhà. Nhưng Uri không thi hành lệnh vua. Bởi thế David ngạc nhiên nói với ông: "Nhà ngươi đường xa không mệt mỏi sao? Tại sao không về ngủ ở nhà?" Uri đáp lại: "Làm sao thần có thể về nhà ăn, uống và ngủ với vợ được khi vị tư lệnh của thần là Gioáp cũng như các sĩ quan, đang đóng lều ở ngoài trận mạc? Thần không bao giờ làm như thế được". Hôm sau, David mời ông dùng cơm và phục rượu cho ông say. Nhưng tới đêm, Uri vẫn không về nhà và tìm chỗ nghỉ đêm bên cạnh các vệ binh của vua. Ngày mai lại, David viết cho Gioáp một bức thư đưa cho Uri

chuyển lại. Trong thư vua viết: "Hãy dẫn Uri đi tuyền đầu, nơi có kịch chiến để cho ông ta bị thương và chết đi".

Gioáp vâng lệnh của David và Uri người Hilít đã chết ở mặt trận. Gioáp gửi tin cho David hay về chuyện đã xảy ra. David liền nói lại cho kẻ mang thư: "Người hãy báo lại cho Gioáp biết thế này: "Đừng bận tâm về chuyện này, bởi vì đó là chuyện bình thường khi có chiến tranh: người chết ngày này, kẻ bị giết ngày khác, đó là chuyện thường. Hãy tiếp tục tấn công vào thành và chiếm lấy". Khi vợ Uri hay tin chồng mất, bà phục tang. Mãn tang, David triệu bà về cung và cưới bà. Bétxabê sinh được một đứa con trai. Nhưng hành động đó của David làm phật lòng Thiên Chúa nên Ngài cho đứa bé bị bệnh nặng. David van nài Chúa cho đứa bé được khỏi. Ông ăn chay nằm đất. Các quan viên cố vục vua dậy nhưng vua từ chối và không chịu ăn uống gì. Đến ngày thứ bảy, đứa bé chết. (2S 11,1-18.15-27)

Hành động đó thực ra là chuyện thường tình của các bậc vua chúa các vùng kế cận Israel. Nhưng Israel đã được Luật Thiên Chúa dẫn dắt, mọi người phải tuân phục, kể cả nhà vua. Khi đã vượt ra giòng mối của luật pháp, vua phải chịu phán xét của Chúa. Chính ngôn sứ Natan nhân danh Thiên Chúa đến thức tỉnh vua David về phán quyết này. Chúa sai Natan đến gặp vua David. Natan nói với vua: "Hai người ở cùng một thành. Một kẻ giàu và một kẻ nghèo. Người giàu có nhiều chiên bò, còn người nghèo chỉ có một

con cừu cái ông chăn nuôi kỹ lưỡng. Con cừu cái này ăn uống chung bàn với người nghèo và ông ta lo lắng cho nó như chính con gái ông. Ngày nọ, người giàu phải tiếp khách và thay vì giết một con chiên hay một con bò trong đoàn gia súc mình, ông lại bắt con cừu nhỏ của người nghèo và làm thịt đãi khách".

David nổi giận nói: "Vì phép Chúa công minh, người như thế đáng phải chết". Bấy giờ Natan nói với David: "Người đó chính là vua đây. Đây Chúa phán với ông: Ta đã ban cho ngươi cung điện của tiên vương và giao cho người tất cả các thị tộc Israel. tại sao ngươi làm điều Chúa cấm? Ngươi đã ra lệnh giết Uri để lấy vợ ông ấy. Từ nay chết chóc sẽ rình rập nhà của ngươi". David nói với Natan: "Tôi đã phạm tội với Thiên Chúa". Natan trả lời: "Phần ngươi, Chúa tha cho ngươi. Ngươi sẽ không chết, nhưng đứa con sinh ra từ giòng máu ngươi sẽ phải chết". (2S 12,1...14)

Trong Thánh Vịnh của Israel, một số được gọi là "Thánh Vịnh sám hối". Trong các Thánh Vịnh đó, các kẻ tin nhìn nhận tội lỗi của mình trước Thiên Chúa và xin Ngài tha thứ.

Lạy Chúa, xin thương con theo sự độ lượng của Chúa, xin vì lòng từ bi vô bờ của Chúa mà xóa bỏ lỗi lầm của con.

Xin rửa con khỏi ô uế, thanh tẩy con khỏi tội lỗi,

vì con đã nhận biết lỗi lầm; tội con luôn ở trước mặt con.

Con đã phạm tội chống lại Chúa, và con đã làm điều ác trước nhan Ngài,

Chúa phán xét công bình, Chúa là Đấng công minh trong mọi việc.

Con sinh ra đã là kẻ tội lỗi, tội lỗi từ ngày mẹ con cho con chào đời.

Chúa yêu mến tâm hồn thành khẩn, và dạy con sự khôn ngoan trong đêm tối của con.

Xin hãy thanh tẩy con bằng cành hương thảo và con sẽ được tinh khiết;

Xin hãy rửa con và con sẽ được trắng như tuyết.

Xin hãy đổ tràn trong con niềm hân hoan và hạnh phúc, để con được hỉ hoan trong cơn khốn khổ.

Xin đừng nhìn tội con, xin xóa mọi lỗi lầm.

Lạy Chúa, xin ban cho con tâm hồn trong sạch, xin làm cho trí khôn con vững tin;

xin đừng đẩy con xa khỏi nhan thánh Chúa,

xin đừng cất khỏi con thần khí của Ngài;

xin ban cho con niềm vui cứu thoát,

và đổ xuống trên con tinh thần độ lượng.

Con sẽ chỉ lại cho kẻ xa Chúa đường đi của Ngài,

và kẻ tội lỗi sẽ trở lại nẻo ngay.

Lạy Chúa, Đấng cứu độ con xin hãy tẩy sạch máu do bàn tay sát nhân của con đổ ra,

và con sẽ tung hô đức công chính của Chúa.

Lạy Chúa, xin mở miệng lưỡi con, để con có thể ca tụng Chúa. (TV 51, 3-17)

Đời của vua Salômôn cũng có điều đáng lên án. Một số người ca tụng sự khôn ngoan về chính trị của vua cũng như vẻ huy hoàng tráng lệ của các đền đài vua xây. Nhưng nhiều người khác đồng ý cho rằng danh vọng và phú quý có thể đã làm cho nhà vua lơ là đức tin chân thật vào Thiên Chúa Israel.

Các bản văn kể lại chuyện Salômôn, vì lấy các công chúa ngoại quốc, đặc biệt là con gái của vua Ai Cập, nên đã bất trung với Thiên Chúa và theo bụt thần. Salômôn làm phò mã vua Ai Cập. Ông lấy con gái vua Pharaông và đưa cô này về cung cùng sống chung trong thành vua David, cho đến khi nhà vua xây xong cung điện mình, Đền Thánh và bức tường thành chung quanh Giêrusalem. (1 CV 3,1)

Con gái của vua Pharaông đã dời cư từ thành vua David đến cung điện được vua Salômôn xây riêng cho bà. (1 CV 9,24)

Ngoài con gái của vua Pharaông, Salômôn cưới nhiều vợ ngoại quốc. Các bà đến từ các nước mà Chúa đã từng nói với dân Israel: "Không được lấy chồng hoặc cưới vợ với người dân các nước ấy, bởi vì họ có thể làm cho các ngươi thờ lạy bụt thần của họ". Salômôn đem lòng yêu thương và

cưới các bà ngoại quốc này, lòng trí vua hướng về các bụt thần khác và không hoàn toàn thuộc về Chúa, là Thiên Chúa của mình. Salômôn làm điều Chúa không muốn. Ông xây một bàn thờ cho bụt Kê-mót của dân Môáp và bụt Móléc của dân Ammôn. Ông cũng xây các bàn thờ cho các bụt của tất cả các bà vợ ngoại quốc để họ dâng hương và cúng tế bụt thần của họ. (1 CV 11,1...8)

Bản văn Kinh Thánh chê trách Salômôn như trước đây đã từng lên án David. Nhưng khác với cha ông, Salômôn đã không nhận lỗi lầm của mình. Vì thế kẻ trung tín thấy được giai đoạn cuối của triều đại Salômôn đầy tai ương như là dấu chỉ của án phạt từ Thiên Chúa. Thiên Chúa nổi giận đối với Salômôn vì tâm hồn ông đã xa lìa Thiên Chúa của Israel. Ngài nói với ông: "Vì ngươi không giữ giao ước của Ta và không tuân phục các điều răn của Ta, Ta sẽ rút lại vương quốc của ngươi và trao cho một kẻ thuộc tôi tớ ngươi. Nhưng vì công đức của cha ngươi là David, Ta sẽ không thực hiện việc đó trong đời ngươi. Đến đời con của ngươi Ta sẽ bỏ vương quyền đó. Ta sẽ không tước hết toàn bộ vương quốc. Ta sẽ để lại cho con ngươi một bộ tộc vì nể tình tôi tớ Ta là David và vì Giêrusalem, kinh thành mà Ta đã chọn". (1 CV 11,9a.11-13)

Đến thời vua Êdêkiát, nước Assiria uy hiếp Israel. Êdêkiát muốn thoát khỏi sự uy hiếp của Assiria nên tổ chức phản công. Vì thế, vua cầu viện nước Ai Cập. Nhưng dự tính

của vua thất bại và Assiria lại đàn áp khốc liệt hơn. Bấy giờ ngôn sứ Isaia đến gặp Êdêkiát và tỏ cho vua hay tội lỗi của mình. Isaia nhắc lại cho vua rằng chỉ có Chúa là nơi vua phải trông cậy chứ không phải dựa vào việc liên minh với Ai Cập. Mọi sự trợ giúp đều từ Thiên Chúa mà đến.

Chúa tuyên bố rằng: khốn cho các ngươi, con cái phản bội,

các ngươi mưu đồ kế hoạch khác với ý Ta;

các ngươi quyết định lập một liên minh mà Ta không đồng ý,

các ngươi làm như thế là rước tội vào mình.

Các ngươi đến Ai Cập,

để xin Pharaông bảo vệ

và mong nhờ Ai Cập chở che mà không hỏi ý Ta.

Nhưng các ngươi sẽ thất vọng ê chề về sự bảo vệ của Pharaông,

và sẽ bị nhục nhã do chính sự đờ đẫn của Ai Cập.

Dầu tướng lãnh của các ngươi đã ở So-an,

dầu sứ giả của các ngươi đã đến Hanét,

chúng cũng chỉ thấy dân đó yếu nhược,

không giúp được gì và chả làm nên chuyện gì,

ngoài việc gây cho các ngươi chán nản và nhục nhằn.

Khốn cho ai đến Ai Cập để tìm cứu độ,

và khốn cho kẻ đặt hy vọng vào binh mã xứ này,

tin tưởng vào xe trận và kỵ binh,

mà lãng quên Chúa chí thánh Israel,

và bàn hỏi Thiên Chúa.
 Rồi ra chính Ngài sẽ làm điều đúng,
 và Ngài không nói hai lời.
 Ngài sẽ chinh phạt kẻ bất lương,
 phá đổ phòng thủ của quân gian ác này.
 Người Ai Cập chỉ là người, không là Thiên Chúa,
 ngựa của họ cũng chỉ là ngựa mà thôi.
 Khi Thiên Chúa ra tay,
 kẻ bảo vệ cũng như kẻ được đỡ dần đều gục ngã,
 đôi bên cùng chết một ngày. (IS 31,1-3)
 Than ôi! dân tội lỗi, dân chất đầy tội ác,
 chủng tộc của bọn ác nhân, con cái hư đốn!
 Chúng đã bỏ Chúa,
 khinh rẻ Thiên Chúa chí thánh Israel,
 lơ là với chính Ngài. (IS 1,4)

Vào thời Salômôn, người gọi Chúa là Giavê đã từng muốn chỉ cho thấy Chúa lên án phong cách của Salômôn. Tác giả lấy một chuyện ngụ ngôn về người đàn bà tượng trưng cho các bà vợ ngoại quốc của Salômôn để chứng minh rằng bất tuân Thiên Chúa chỉ đem đến tai ương. Tác giả nghĩ rằng ngay từ thuở ban đầu, con người đã bất tuân Thiên Chúa và vì thế đánh mất hạnh phúc và sự sống của mình.

Con rắn là con vật ngoài đồng có nhiều mưu kế hơn cả từng được Chúa dựng nên. Nó nói với người đàn bà: "Có phải Chúa từng nói với các ngươi: Các con không được ăn

trái cây trong vườn không?" Người đàn bà trả lời với con rắn: "Chúng tôi có thể ăn trái cây trong vườn. Nhưng trái của cây ở giữa vườn thì Chúa dặn bảo: Các con không được ăn, con người đừng đụng đến, nếu không thì phải chết". Bấy giờ rắn nói với bà: "Không đâu, các người không chết đâu. Nhưng Chúa biết rằng ngày nào các người ăn trái đó, thì mắt các người sẽ mở ra và các người sẽ trở nên như thần thánh biết được điều thiện và điều ác". Người đàn bà thấy trái của cây này ngon lành và cây thì xinh đẹp, làm bà thèm ăn trái, mong sao có được một kiến thức cao siêu. Bà liền hái trái cây của nó, ăn và mời chồng đứng gần cùng ăn.

Bấy giờ, mắt của hai người mở ra và cả hai thấy mình trần truồng; họ kết lá cây vả để làm khố che thân. Khi nghe tiếng chân của Chúa đang đi dạo trong vườn, ông bà núp vào lùm cây trốn nhan Chúa. Chúa gọi Adong: "Con ở đâu?" Ông trả lời: "Con nghe tiếng Chúa trong vườn; con sợ vì con trần truồng nên con đã núp". Chúa liền phán với ông: "Ai dạy cho con biết con trần truồng? Có phải con đã ăn trái cây ta cấm ăn không?" Adong thưa lại: "Người đàn bà Chúa đặt ở bên con đã mời con ăn và con ăn". Chúa là Thiên Chúa nói với người đàn bà: "Con đã làm gì?" Bà thưa lại: "Con rắn đã gạt con và con đã ăn trái đó". (ST 3, 1-13)

Sống trên đời, con người chịu khổ đau và hoạn nạn, nhọc nhằn và chết chóc. Tại sao con người lại phải gánh chịu đau thương và chết chóc như thế, đó là vấn nạn của các tác

giả được gọi là người gọi Thiên Chúa là Giavê? Tác giả tìm cách trả lời. Chính sự bất trung và chống báng Thiên Chúa do con người gây nên đã làm cho Thiên Chúa chúc dữ, gia phạt kẻ tội lỗi. Đàng khác, tác giả gọi Chúa là Giavê tin chắc rằng kẻ nào sống thân tình với Chúa, thì hưởng được niềm vui và hạnh phúc, có được sự sống và ân phúc.

Chúa nói với con rắn: "Bởi vì mày đã làm việc đó, mày đáng chịu chúc dữ ở giữa tất cả các loài vật và muôn thú đồng nội. Mày phải bò sát bụng và ăn đất. Ta sẽ gây hận thù giữa ngươi và người đàn bà, giữa hậu duệ của bà đó và dòng giống ngươi". Ngài lại phán với người đàn bà: "Bà sẽ mang thai trong nhọc nhằn, và sinh con trong đau đớn". Ngài nói với Adong: "Bởi vì ngươi đã nghe theo lời vợ ngươi, và ăn trái cây ta cấm ngươi không được ăn, đất đai sẽ bị chúc dữ vì ngươi; vất vả lao nhọc ngươi mới tìm của ăn để sống hết những ngày của đời ngươi. Vì ngươi sẽ dùng cỏ đồng nội làm thức ăn. Muốn có bánh ăn ngươi phải lam lũ bằng mồ hôi trán ngươi, cho đến ngày ngươi trở về cát bụi mà ta đã dùng để tạo ra ngươi. Vì ngươi từ bùn đất mà ra, thì ngươi cũng sẽ trở về với bùn đất".

Adong gọi vợ là "Eva" (chữ đó có nghĩa là "sống") bởi vì bà là mẹ tất cả những người sống. Chúa là Thiên Chúa đã làm cho người đàn ông và vợ ông những cái áo bằng da thú che thân. Đoạn Ngài phán: "Bây giờ con người đã trở nên như Ta; nó có thể biết được điều thiện và điều ác. Phải cấm

nó không được ăn trái hằng sống, nếu không nó sẽ sống mãi".

Vì thế Chúa đuổi họ ra khỏi địa đàng để cho họ vun trồng đất đai cũng bằng chất liệu mà từ đó họ đã được tạo dựng nên. Và Ngài đặt các thiên thần Kêrubim canh trước cửa địa đàng chặn lối không cho đến gần cây sự sống. (ST 3,14-24)

Khi con người bất tuân phục Thiên Chúa và giới răn của Ngài, thì tâm tư của chúng chứa đầy ghen tương và thù oán. Câu chuyện anh em Cain và Aben chứng minh rằng mọi bất công gây cho người bên cạnh mình đều xúc phạm chính Thiên Chúa.

Eva sinh cho Adong một người con trai. Bà gọi tên con là Cain (có nghĩa là ơn Chúa ban) và bà nói: "Chúa đã cho tôi sinh ra được một con người". Sau đó bà sinh thêm được một người con trai khác gọi tên là Aben. Aben trở thành kẻ chăn cừu và Cain làm nghề trồng trọt. Một ngày kia, Cain dâng lên cho Chúa các hoa màu thu hoạch được; Aben cũng dâng lên những con vật sinh đọt đầu tiên của đàn thú và là những con vật béo tốt nhất.

Chúa vui đón nhận Aben và lễ vật của ông, nhưng không bằng lòng với Cain và lễ vật của ông này. Cain liền tức giận và sa sầm mặt lại. Chúa phán cùng Cain: "Tại sao

con giận dữ và sa sầm nét mặt? Nếu con hành động lương thiện, tại sao con không ngược mặt lên mà bước đi? Nếu con làm điều xấu xa, thì tội con ở kẻ bên con và rình rập con như một con thú dữ; nhưng, con hãy cố chế ngự tội lỗi".

Tuy thế Cain lại nói dối với Aben em mình: "Chúng ta hãy đi ra đồng". Khi hai người cùng ra giữa đồng, Cain bắt em và giết đi.

Chúa phán với Cain: "Em con là Aben đâu rồi?" Ông liền thưa: "Con đâu có biết. Con có phải là kẻ chặn giữ em con đâu?" Chúa lại phán: "Con làm gì vậy, máu của em con từ đất lên tiếng gọi đến Ta. Từ nay khi con làm đất trống trọt, nó sẽ không cho hoa trái. Con sẽ lang bạt trên trần thế". Cain tâu cùng Chúa: "Lỗi con quá lớn chịu không nổi. Ngày nay Chúa đuổi con ra khỏi vùng đất phì nhiêu, con phải núp lánh xa mặt Chúa và lang thang phiêu bạt khắp nơi; như thế người nào gặp con ắt sẽ giết con mất thôi!". Chúa đáp lại: "Không, nếu ai giết Cain, thì người đó sẽ bị trả thù đến bảy lần". Và Chúa khắc vào Cain một cái dấu để ai gặp ông không đánh đập ông. Cain lui ra khỏi nhan Chúa và đi đến miền Nót, ở phía đông vườn Địa Đàng. (ST 4,1-16)

Câu chuyện luter lớn cho thấy những hậu quả do sự gian ác của con người, có thể đe dọa chính ngay đến sự sống còn của nhân loại. Chỉ có Noê, gia đình ông và loài vật trên tàu tránh khỏi sự tiêu diệt. Một kỷ nguyên mới bắt đầu lại với

họ. Chúa bảo đảm sẽ không làm lụt lớn tiêu diệt con người trên trái đất.

Chúa thấy tội ác con người ngập tràn và chúng chỉ biết mãi mê toan tính những điều gian trá. Chúa hối hận vì đã sinh ra loài người trên cõi thế, và Người buồn lòng vô kể. Ngài phán: "Ta sẽ hủy diệt loài người mà Ta đã tạo dựng trên mặt đất, cũng như các loài gia súc, côn trùng và chim muông trên trời, vì Ta hối tiếc đã dựng nên chúng".

Nhưng Chúa quý mến Noê. Ông là người công chính giữa muôn người trong thời ông. Chúa nói với Noê: "Trần gian đầy gian ác, vì thế Ta sẽ hủy diệt nó với tất cả mọi loài sinh vật. Con hãy đóng một chiếc tàu lớn bằng gỗ trét dầu. Con ngăn thành từng khoang riêng và trét rái bên trong và bên ngoài. Tàu dài 150 mét và rộng 25 mét. Bên hông tàu con trở cửa và xây các khoang tàu thành ba tầng. Phần Ta, Ta sẽ làm lụt phủ khắp mặt đất để diệt hết sinh vật trong thiên hạ. Mọi vật dưới đất sẽ chết hết. Nhưng Ta sẽ giao ước với con, và con sẽ đi vào tàu đem theo các con, vợ và các con dâu. Trong các loài vật có sự sống, con đưa vào tàu mỗi thú vật một cặp để bảo tồn chúng sống sót với con: một con đực và một con cái. Con hãy tìm đồ ăn được, tích trữ làm lương thực nuôi sống con và chúng". Noê làm đúng theo lời Chúa dạy.

Chúa nói với Noê: "Hãy lên tàu, đem theo gia đình con, bởi vì bảy ngày nữa, ta sẽ cho mưa tuôn xuống 40 ngày và 40 đêm ròng rã".

Noê đi vào tàu cùng với con, vợ và các con dâu của mình. Ông đem theo các loài vật, chim muông và các loại bò sát mỗi thứ một đôi như Chúa đã ra lệnh. Bảy ngày sau đó, nước lụt bắt đầu phủ khắp mặt đất. Nước dâng lên và đưa tàu nổi lên khỏi mặt đất. Nước dâng lên mãi, đất và các ngọn núi cao cũng không còn thấy. Nước ngập đỉnh các ngọn núi đến bảy mét. Bảy giờ, trên đất liền, mọi sinh vật, chim muông, gia súc, dã thú và rắn rết đều chết hết. Con người ta cũng bị tiêu diệt luôn. Chỉ có Noê và những gì ông đem theo trên tàu là còn tồn tại. (ST 6.5...7,23)

Nước phủ mặt đất trong vòng 150 ngày. Bảy giờ Chúa nhớ lại Noê và tất cả các loài vật đi theo ông lên tàu. Chúa cho một ngọn gió thổi trên mặt đất và nước rút dần. Tàu dừng lại trên các ngọn đồi Ararat. Cuối cùng các đỉnh núi xuất hiện. Sau 40 ngày, Noê ở cửa sổ tàu thả con quạ ra, nó bay lượn đợi cho mặt đất khô ráo. Noê lại thả chim bồ câu, chim không tìm được nơi nào đậu cả, nên trở về tàu. Noê còn đợi thêm bảy ngày nữa, và lại thả con chim bồ câu. Chiều đến, nó trở về miệng ngậm một cành là ôliu còn xanh tươi. Ông vẫn đợi thêm bảy ngày, cho bồ câu bay đi, và lần này chim không trở lại bởi vì mặt đất đã hoàn toàn khô ráo.

Chúa phán cùng Noê : "Con hãy ra khỏi tàu, đem theo vợ, con và các con dâu. Thả luôn các thú vật đủ loại đi theo con để chúng sinh sản nảy nở lại trên mặt đất". Noê ra khỏi tàu với vợ, con và các con dâu cũng như loài vật đủ loại. Bấy giờ, ông xây một bàn thờ và dâng một lễ tế sinh cho Thiên Chúa. (ST 7,24...8,20)

Trong các bản văn do các "Thầy Cả" viết, các vị này loan báo những thời kỳ mới. Từ rày Thiên Chúa, không những sẽ không nhằm hủy diệt thụ tạo nữa, nhưng Ngài lại làm một giao ước đời đời với con người. Cầu vồng trên trời là dấu chỉ của giao ước đó. Chúa lại chúc phúc cho con người và trao cho con người sứ mạng chăm sóc các thụ tạo của Ngài. Dẫu con người phạm tội, Thiên Chúa vẫn trung thành với công cuộc sáng tạo của Ngài.

Chúa chúc lành cho Noê và các con, Ngài phán: "Hãy sinh sản thật nhiều và có mặt khắp trái đất". Đoạn Ngài phán: "Ta sẽ ký kết một giao ước với các con, với con cháu các con và tất cả các sinh vật cùng ra khỏi tàu với các con. Lụt sẽ không tàn phá trái đất nữa. Ngày nào còn trái đất, gieo gặt, nóng lạnh, đông hè, ngày đêm sẽ liên tục tiếp diễn. Đây là dấu chỉ giữa Ta và các con, Ta đặt một cầu vồng trong các tầng mây. Khi Ta cho mây tụ lại ở trên bầu trời, cầu vồng của Ta sẽ xuất hiện. Khi cầu vồng đó xuất lộ trên mây, Ta thấy nó và nhớ đến giao ước đời đời giữa Ta và tất cả các sinh vật trên trái đất". (ST 9,1,8...16)

Trong Thánh Vịnh 85, kẻ nào cầu nguyện sẽ nhớ lại sự tha thứ của Thiên Chúa; người ta dựa vào sự trung thành của Thiên Chúa để có được sự cứu độ.

Lạy Chúa, Ngài đã đối xử tốt đối với dân Ngài.
 Ngài đã đưa tù nhân con cái Giacóp trở về.
 Ngài đã tha thứ lỗi lầm của dân Ngài,
 Ngài đã lấy màn che khuất tội lỗi của nó.
 Ngài đã hạ nguôi cơn giận,
 đã kèm hãm bực dọc đối với chúng con.
 Lạy Chúa, Đấng cứu độ chúng con, xin làm cho chúng
 con trở về với Ngài,
 và xin Ngài đừng thịnh nộ đối với chúng con.
 Cơn giận của Ngài sẽ không chấm dứt được sao?
 Ngài luôn thịnh nộ đối với chúng con mãi sao?
 Ngài sẽ không đưa chúng con về nẻo sống,
 để dân Ngài được hân hoan trong Ngài sao?
 Lạy Chúa, xin cho chúng con thấy tình yêu của Chúa,
 và ban cho chúng con ơn cứu độ của Ngài.
 Con nghe lời Chúa phán,
 vì Chúa ban những lời nói hòa bình
 đối với dân Người, đối với ai trung tín,
 và đối với kẻ nào hướng lòng về với Người.
 Vâng, ơn cứu độ cận kề với những người nào đặt niềm
 tin nơi Chúa,
 vinh quang Chúa sẽ đến ở với đất chúng ta.

Tình yêu và trung tín gặp gỡ nhau,
 công lý và hòa bình gắn chặt vào nhau.
 Trung tín nảy mầm từ trái đất,
 và từ trời cao công lý sẽ đổ đầy.
 Chính Chúa sẽ ban cho chúng ta hạnh phúc
 và đất chúng ta sẽ sinh hoa trái.
 Công chính sẽ bước đi trước nhan Chúa,
 và hòa bình trải rộng đường trước Ngài. (TV 85)

3. "Ta sẽ làm cho con thành một dân tộc lớn"

Israel đã giữ cho kỷ niệm quá khứ mình sống động. Dân đó đã khởi đầu lịch sử quá khứ mình với các tổ phụ và những vị lãnh đạo tiên khởi của các thị tộc. Những ký sự sau đây thuộc vào một thời kỳ suy yếu đức tin của dân Israel. Chúng được các người trung tín viết ra để hun đúc lòng tin của kẻ đương thời. Để đạt đến mục đích đó, họ lấy đức tin và sự trung tín của tổ tiên làm mẫu mực. Abraham vì thế trở thành mẫu mực hoàn hảo của kẻ tin, luôn sẵn sàng nghe tiếng Chúa, dẫu gặp những hoàn cảnh khó khăn nhất. Ông được gọi là "cha của kẻ tin" và cuộc sống của ông trái nghịch với cung cách của kẻ bất tín đi xa Thiên Chúa. Đáng lý ra thì các vị vua cũng phải là những mẫu mực của đức tin, nhưng các bản thánh kinh không che dấu sự kiện có nhiều vị vua đã để lại gương xấu.

Cuốn Thứ Nhất Sách Các Vua kể lại chuyện Salômôn. Vị vua này được mô tả là một nhà lãnh đạo đông phương tài

ba, có cuộc sống xa hoa, nhiều tôi tớ và nhiều thê thiếp, sống trong cung điện đẹp đẽ và sang trọng.

Vua Salômôn làm vua trị vì khắp nước Israel. Salômôn có mười hai quan thống đốc cai quản toàn vùng đất Israel, cung cấp thực phẩm cho nhà vua và quân thần; mỗi vị quan chia phiên mỗi tháng trong năm cung cấp các thứ cần thiết cho triều đình. Salômôn trị vì trên tất cả các xứ từ sông Ôphát đến các vùng đất của Philixitin và còn đến biên giới Ai Cập. Tất cả các dân đó đều phải trả thuế và phục tùng vua. Salômôn và triều đình hằng ngày cần các thức ăn như sau: 30 kien bột xay thô, và 60 kien xay thật mịn, 10 con bò thật béo, 20 bò tơ, 100 con cừu không kể đến nai, mang, hươu và gà vịt. Salômôn có 4,000 căn nhà để xe và 12,000 ngựa. Những quản lý, thay nhau mỗi người một tháng công tác, phải cung ứng đầy đủ thức ăn cho Salômôn và quân thần cũng được mời vào bàn với vua, không được để thiếu một món gì. Họ luân phiên lo cho ngựa và loài vật kéo xe đầy đủ lúa mạch và rom khô. (1 CV 4,1-7; 5,1 - 3,6-8)

Hằng năm phải nạp cho vua Salômôn 20 tấn vàng, không kể vàng đánh vào các hàng hóa và các thương gia, các vị vua thuộc xứ Á Rập và tất cả những quan thống đốc trong xứ. Vua Salômôn cho đúc 200 cái thuẫn mạ vàng. Ông ra lệnh làm một cái ngai lớn bằng ngà mạ vàng ròng. Ngai đó có sáu bậc và chỗ dựa lưng uốn vòng tròn. Hai bên bệ có tay cầm để vịn, mỗi bên kê hai con sư tử điêu khắc. Mười hai sư tử khác, đặt trên các bậc, mỗi bên sáu con. Không có vương

quốc nào đã làm được thế. Các chén bát của vua Salômôn làm bằng vàng cũng như các ghế bàn trong điện, được gọi là "Rừng Libăng". Vua Salômôn vượt trên các vị vua về giàu sang và khôn ngoan. Ông qui tập 1,400 xe và 12,000 ngựa. Ngựa của Salômôn thuộc giống Cilixia. Người ta đặt đóng xe từ Ai Cập với giá 600 nén bạc, và mua một con ngựa với giá 150 nén. (1 CV 10,14...29)

Tuy thế, không phải ai cũng ngưỡng mộ Salômôn. Những liên minh, cung cách sống và sự bất trung của ông đối với Thiên Chúa làm nhiều người bất mãn. Tác giả Thánh Kinh gọi Chúa là Giavê thuộc số những người này. Vì thế, ông không cho rằng Salômôn là mẫu mực của người toàn hảo và luôn trung tín với Thiên Chúa. Con người toàn hảo như thế thấy được nơi Abraham, trong quá khứ của Israel; vào thời mà dân còn du mục, ai ai cũng có một đức tin rất mạnh vào Thiên Chúa.

Trong cuốn sách Sáng Thế, tác giả kể chuyện Abraham, một người dân du mục, đáng được ca tụng vì đức tin của người này; ngay từ tiếng gọi đầu tiên của Thiên Chúa đã ra đi vào nơi không hay biết.

Abraham thuộc về dân của người Do Thái. Ông cư ngụ ở xứ nằm giữa hai con sông lớn Tigrơ và Ơphát; ông có những đàn cừu và dê, lạc đà và lừa. Ông có nhiều người giúp việc nhà. Vợ ông là Sara. Cháu là Lót, con trai của người anh quá cố, sống chung với ông. Tất cả đều cư ngụ chung

một lều. Tại Haran, Chúa phán cùng Abraham: "Hãy bỏ xứ, gia đình và căn nhà của tổ tiên ngươi và đi đến một xứ mà ta sẽ chỉ cho con.

Ta sẽ làm cho con thành một dân tộc cao cả,

Ta sẽ chúc lành cho con,

Ta sẽ làm cho danh của con được rạng rỡ và con sẽ là nguồn của sự chúc lành.

Ta sẽ chúc phúc cho ai chúc phúc cho con, và sẽ nguyên rủa người nào nguyên rủa con;

Mọi nhà trên trái đất sẽ được chúc phúc từ nơi con".

Abraham đã ra đi như Chúa đã dạy ông. Lót cùng đi với ông. Họ đến xứ Canaan và đi vào đó. Họ đi xuyên tới xứ Sikem, nơi có cây sồi Môê.

Bấy giờ trong xứ có dân Canaan cư ngụ. Chúa hiện ra với Abraham và phán: "Ta sẽ ban cho con cháu con xứ này".

Và Abraham dựng ở đó một đền thờ kính Thiên Chúa Đấng đã hiện ra với ông. Khởi từ đó ông lại đi đến miền tây dãy núi nằm về phía đông vùng Bêten. Ông dựng một đền thờ kính Thiên Chúa và ca tụng Ngài. (ST 12,1-8)

Tác giả Kinh Thánh gọi Chúa là Êlôim sau này lấy lại câu chuyện Abraham, mẫu mực của các kẻ tin. Trong bản văn của tác giả, Thiên Chúa thử thách đức tin Abraham. Chúa hứa cho ông một hậu duệ đông đúc trong lúc Abraham

và vợ ông đã già và không có con. Abraham tin vào lời hứa của Chúa, mặc dầu hoàn cảnh bên ngoài thật trái nghịch.

Sau đó, lời Chúa nói với Abraham trong một thị kiến: "Abraham, con đừng sợ, Ta là thuẫn đỡ cho con, phần thưởng dành cho con sẽ rất lớn". Abraham trả lời: "Lạy Chúa, lạy Chúa, Chúa sẽ ban cho con điều gì? Con sắp chết mà không có con, và kẻ thừa kế gia đình con sẽ là Êlidê xứ Đamát. Chúa đã không cho con đứa nào cả, và vì thế kẻ thừa kế con chỉ là một gia nhân".

Bấy giờ Chúa nói với ông: "Người đó không phải là thừa kế của con, nhưng kẻ thừa kế sẽ là một đứa con của con". Đoạn Chúa dẫn ông ra ngoài và nói: "Hãy nhìn lên trời và đếm các vì sao, nếu con có thể đếm được việc đó... đây hậu duệ của con sẽ nhiều như thế". Abraham tin vào Chúa, Đấng đã đoái đến ông vì đức tin của ông. (ST 15,1-6)

Trong các bản văn "do các Thầy Cả viết" mà người ta đọc được trong sách Sáng Thế, các vị này cũng làm nổi bật nhân vật Abraham, người có lòng tin thật sự. Họ mô tả cho thấy Abraham đã trung tín với Thiên Chúa, Đấng ký kết một giao ước với ông. Đồng thời qua các bản văn các thầy cả giúp ta thấy rằng việc cắt bì đã xuất hiện từ thời Abraham như là một dấu chỉ của giao ước.

4. "Thiên Chúa ở với Giuse"

Giacóp có mười hai con; người con út gọi là Giuse. Giacóp thương Giuse đặc biệt vì đã tuổi già ông mới có được đứa con này. Đến năm 17 tuổi, Giuse chẵn cừu và dê với các anh và cha già đã cho ông một chiếc áo đẹp dài tay. Các anh ghen tị không thềm nói chuyện với ông nữa. Lòng ghen tị đó trở thành ghét bỏ khi Giuse kể lại giấc mơ ông thấy cả nhà ông nghiêng mình kính nể ông.

Một ngày kia, các anh của Giuse lừa gia súc đến ăn ở Sikem. Giacóp nói với Giuse: "Hãy đi thăm các anh, cha muốn sai con đi đến thăm chúng". Giuse từ thung lũng Hêbron đi đến Sikem.

Các anh ông thấy ông từ xa. Trước khi Giuse đến gần, họ muốn mưu đồ giết em. Họ bàn với nhau: "Này, người nằm mộng đã tới. Đã đến lúc rồi đây: chúng mình giết hẳn và vất hẳn xuống hố; và chúng mình cứ nói một con dã thú đã vồ nó. Thử xem những gì nó mơ mộng có thực hiện được không".

Nhưng Ruben, người anh cả, nghe vậy, muốn cứu em; ông nói: "Đừng giết nó. Đừng đổ máu nó. Hãy xô nó xuống vực đàng kia, trong sa mạc, nhưng đừng sát hại nó". Người anh này muốn cứu thoát em và dẫn về cho cha già.

Ngay khi Giuse đến gặp các anh, họ lột áo dài và đẩy em vào vực. Đó là vực trống và không có chút nước nào. Họ

ngồi xuống dùng bữa. Nhìn đằng xa, họ thấy một đoàn thương gia đi đến. Đoàn người này đi về xứ Ai Cập. Bảy giờ Giuđa nói với các anh em: "Giết thẳng nhỏ và che dấu cái chết của nó có lợi ích gì? Thà bán nó cho các thương gia". Các anh em đồng ý.

Họ lại lôi Giuse từ vực lên và bán em với giá 20 nén bạc. Các thương gia dẫn Giuse về Ai Cập. Các anh Giuse lấy áo của em, giết một con cừu và nhúng áo đó vào trong máu con vật. Sau đó họ đem chiếc áo dài tay về cho cha và kể lại: "Chúng con tìm được cái này: cha xem thử có phải là áo con của cha không".

Người cha nhận ra chiếc áo của con mình và kêu lên: "Đúng là áo con ta! Dĩ thú đã vồ nó rồi!" Giacóp xé áo của mình, mang một bao vải trên mình để tang thật lâu đưa con đã mất. Tất cả các con trai, gái đến an ủi ông, nhưng ông từ chối tất cả lời an ủi, ông nói: "Đau khổ tang chế sẽ giúp ta gặp lại con ta trong cõi người chết". Giacóp cứ thế mà khóc thương Giuse.

Khi đến đất Ai Cập, các thương gia bán Giuse cho Pôtipha, một vị quan Ai Cập của Pharaông, làm chức trưởng đội cận vệ. Chúa ở với Giuse, nên mọi sự tốt đẹp đến với ông. Giuse gây được sự tin tưởng nơi chủ mình và được ông giao cho trách nhiệm quản gia, coi sóc tất cả tài sản. Chúa chúc lành gia đình người Ai Cập vì Giuse.

Hai năm sau, Vua Pharaông nằm mộng: Ông ở trên bờ sông Nil. Bảy con bò cái đẹp và to mập đi ra khỏi sông và ăn cỏ cạnh bờ. Nhưng có bảy con bò cái xấu xí và gầy guộc lại từ sông Nil lội lên phía sau mấy con bò kia và đến cạnh bên chúng trên bờ sông Nil. Và mấy con bò xấu và gầy nốt trứng mấy con bò đẹp và mập. Bấy giờ vua Pharaông vụt thức dậy. Vua ngủ lại và có một giấc mơ khác: bảy hạt lúa đẹp và lớn rơi ra từ một ché lúa. Nhưng sau đó, bảy hạt lúa đẹp và khô vì gió đông lại xuất hiện. Những hạt lúa đẹp nuốt trứng bảy hạt lúa lớn và no tròn. Vua Pharaông thức dậy: đó là một giấc mộng. Sáng ngày, vua Pharaông lo lắng gọi các nhà chiêm tinh và các thầy thông thái Ai Cập đến. Vua kể cho họ nghe các giấc mộng của mình. Nhưng không ai trong họ có thể giải thích được cả. Bấy giờ vua Pharaông cho gọi Giuse đến và nói: "Ta đã có một giấc mộng mà không ai giải được. Ta nghe rằng người có tài giải mộng". Giuse trả lời: "Không phải tôi, chính Thiên Chúa sẽ cho vua Pharaông một lời giải thích chính đáng".

Vua Pharaông bèn kể lại các giấc mộng cho Giuse. Bấy giờ Giuse nói: "Hai giấc mộng đó chỉ là một. Thiên Chúa cho Pharaông biết việc phải làm. Bảy con bò cái đẹp là bảy năm và bảy hạt lúa đẹp cũng là bảy năm. Đó chỉ là một chuyện. Bảy con bò gầy và xấu, xuất hiện sau bảy con kia, là bảy năm, và bảy hạt lúa đẹp bị gió đông làm khô sẽ là bảy năm đói. Sẽ có bảy năm được mùa sung túc trong toàn cõi

Ai Cập. Sau đó bảy năm đói sẽ làm ta quên bảy năm sung túc tại đất Ai Cập này. Đói sẽ làm cho xứ sở điêu tàn. Nếu giấc mộng của vua Pharaông lập lại như thế, hỡi Thiên Chúa đã quyết định thực hiện sự kiện này. Vua Pharaông nên chọn ngay một người khôn ngoan và thông minh để trao quyền cai quản xứ sở. Vua Pharaông cũng nên đặt các vị quản lý trong xứ để thu một phần năm sản phẩm mùa màng của Ai Cập trong bảy năm phú túc. Họ phải tích trữ tất cả sản phẩm của những năm tốt sắp đến; họ cần dự trữ lúa mì tại các thành phố để vua Pharaông sử dụng sau này. Các lương thực đó sẽ giúp xứ sở trong bảy năm đói mà Ai Cập ắt gặp phải, như thế xứ sở sẽ tránh được nạn đói".

Lời giải thích như thế hợp ý vua Pharaông và các quan trong triều, nên vua nói với họ: "Chúng ta có cần tìm một người như Giuse, là kẻ có được sự hứng khởi của thần khí Thiên Chúa?" Và quay lại Giuse, vua nói tiếp: "Bởi vì Thiên Chúa đã cho người biết việc đó, không ai có thể khôn ngoan và cẩn mật hơn người. Người sẽ làm quản lý tất cả nhà ta, và toàn dân sẽ tuân phục lời nói của người: nếu ta có hơn người chẳng nữa thì vì ta là vua đó thôi". Vua Pharaông cởi nhẫn trong tay và đeo vào tay của Giuse. Vua ra lệnh đem áo gấm quý cho Giuse mặc và khoác vào cổ ông chiếc vòng vàng. Giuse được ngồi xe ngựa thứ nhì sau vua, và có quyền trên toàn xứ Ai Cập.

Hay tin có lúa mì ở Ai Cập, Giacóp nói với các con: "Cha nghe tin có lúa mì ở Ai Cập. Hãy đi xuống đó mà mua để có thể sống sót và thoát chết".

Mười người anh của Giuse xuống xứ Ai Cập để mua lúa. Giacóp không cho Benjamin, người em của Giuse đi theo các anh; ông tự nhủ: "E rằng có chuyện không may xảy ra cho đứa con út". Khi Giuse thấy được các anh, ông nhận ra ngay, nhưng các anh không nhận ra ông. Ông tra vấn lại: "Các ông từ đâu đến?" Họ trả lời "Chúng tôi từ Canaan đến để mua lúa mì". Giuse nhớ lại giấc mộng mình thấy về các anh mình, liền nói với họ: "Các ông là gián điệp! Các ông đến để tìm xem các nhược điểm của xứ này!"

Họ chống chế: "Thưa ngài, không phải thế, chúng tôi là tôi tớ ngài, đến chỉ để mua lúa mì. Chúng tôi tất cả đều con một người cha; chúng tôi là người lương thiện; những kẻ hạ thần này đâu phải là gián điệp". Giuse nói với họ: "Không phải vậy đâu, các ông đến để bới tìm các yếu điểm của xứ này".

Họ lại trả lời: "Chúng tôi là anh em, con một cha ở xứ Canaan. Người em út nay còn ở nhà với cha chúng tôi, có một người nữa đã mất rồi". Giuse liền nói: "Tôi không tin; các ông là gián điệp. Các ông phải chịu thử thách này. Các ông không được đi đâu cả cho đến khi người em út đến đây. Các ông cho một người trong các ông đi tìm người em đó,

còn lại thì vào tù tất cả. Thử xem các ông có nói thật hay không tương lai sẽ rõ". Và ông bỏ tù các anh ba ngày tròn.

Ngày thứ ba, Giuse bảo họ: "Vì tôi kính sợ Thiên Chúa, nên cho phép các ông làm thế này để có thể giữ được mạng sống: nếu các ông thành thật, thì để một người trong anh em các người ngồi lại trong tù! Còn các người khác, hãy mang lúa về nhà cho gia đình dùng. Các ông hãy mang người em út đến đây cho tôi: như thế là lời các ông sẽ được chứng thực và các ông khỏi phải chết". Ông cho bắt trói Simêon trước mắt họ.

Các người khác liền trở về quê Canaan và kể lại cho cha tất cả những gì xảy ra. Bấy giờ Giacóp cha họ nói: "Các con làm cha mất dần con cái! Giuse không còn nữa, Simêon cũng thế và nay còn muốn bắt Bengiamin. Các con muốn làm khổ cha!"

Ruben thưa với cha: "Cha giao Bengiamin cho con, và con hứa sẽ đem em con về bằng an". Bấy giờ Giacóp nói lại: "Vì không có cách gì khác, thôi thì thế này: các con hãy đem theo hành trang các con những sản phẩm quý nhất trong vùng ta ở mà cống hiến cho người ấy: một ít thuốc ướp, một ít mật, các loại nước hoa, cây thuốc, đậu và hạnh đào. Mang tiền gấp đôi. Dẫn em đi và đến gặp người ấy. Xin Chúa toàn năng đánh động lòng ông ta để thương các con và cho người

em trong tù và Bengiamin được trở về quê. Còn cha, dầu phải mất con, cũng không làm gì được nữa!"

Họ đem theo các món quà và số tiền gấp đôi cùng với Bengiamin, hướng về Ai Cập. Họ đến trình diện Giuse. Khi thoáng thấy Bengiamin, Giuse nói với người quản lý của mình: "Hãy dẫn mấy người đó vào; giết một con vật và dọn bàn để họ cùng ăn với ta trưa nay".

Ngay khi Giuse bước vào, họ liền dâng các món quà mang theo, sập đầu xuống đất chờ đợi. Ông mới nói với họ: "Cha già của các ông, mà các ông nhắc đến có khỏe mạnh không?" Họ thưa: "Kẻ hạ thần, cha chúng tôi, mạnh khỏe; người còn sống". Họ quỳ gối, rạp mình xuống.

Nhướng mắt nhìn Bengiamin, em mình, con của mẹ mình, Giuse nói: "Có phải người em út mà các ông nói đến đó không?" Ông liền tiếp: "Này chú kia, xin Chúa gìn giữ chú!"

Không nén nổi cơn xúc động trước mắt mọi người đang vây quanh, Giuse ra lệnh: "Mọi người đi ra hết". Khi không còn ai ở đó, Giuse liền cho các anh em hay biết về thân thể mình. Ông khóc nức nở và nói với các anh em: "Tôi là Giuse, người anh em trong nhà! Cha còn sống sao?"

Nhưng họ không thể trả lời, vì quá ngỡ ngàng khi đứng trước mặt Giuse. Ông liền nói với họ: "Này đến gần đây, đừng sợ. Các anh đừng hối hận vì đã bán tôi. Vì muốn cho các anh em sống còn nên Thiên Chúa đã gửi tôi đến gặp các anh, vì đã hai năm trong miền gặp đói khát, và còn năm năm nữa không cày cấy thu hoạch gì được. Chúa đã sai tôi ở đây để làm thống đốc cả xứ Ai Cập. Các anh hãy mau về báo cho cha hay: "Giuse con của cha nói thế này: Thiên Chúa đã đưa con lên hàng khanh tướng của toàn nước Ai Cập. Xin cha hãy mau đến với con".

Quá cảm xúc ông nhào đến ôm lấy cổ Bengiamin mà khóc; Bengiamin cũng nức nở theo. Ông lại ôm tất cả các anh đằm đìa nước mắt, và mọi người đều khóc theo ông. Anh em liền rời xứ Ai Cập về gặp cha là Giacóp tại xứ Canaan. Họ báo tin cho cha: "Giuse còn sống. Chính Giuse là thống đốc toàn xứ Ai Cập".

Nhưng Giacóp dửng dưng vì không tin lời họ nói. Tuy thế, khi họ kể hết lời Giuse nói với họ, cũng như khi thấy các xe Giuse gửi đến rước ông, Giacóp liền tỉnh trí. Ông nói: "Đủ rồi, ta tin con ta còn sống. Ta muốn đến gặp nó trước khi chết".

Trong một giấc mơ, Chúa nói với Giacóp: "Giacóp! Giacóp!" Ông thưa: "Lạy Chúa con đây". Và Chúa phán: "Ta là Chúa, Thiên Chúa của cha ngươi. Đừng ngại đến đất Ai

Cập, vì ở đó Ta sẽ làm cho con thành một dân lớn. Ta sẽ cùng đi với con đến Ai Cập và Ta sẽ đưa con trở về".

Giacóp cho Giuđa đi trước báo cho Giuse biết họ đã đến Giếtxen. Khi họ đến xứ này; Giuse chuẩn bị xe và đi đến gặp cha ở Giếtxen. Khi vừa thấy cha, ông nhào đến ôm chầm lấy cổ và khóc thật lâu trong tay cha. Giacóp nói: "Giờ đây cha có thể chết được rồi vì cha đã thấy con và con còn sống".

Giuse đặt đê cho cha và các anh định cư trong một khu đất xứ Ai Cập, một vùng đất phì nhiêu nhất trong vùng. Và Giuse còn cung cấp lương thực cho cha, các anh em và toàn gia đình.

Thời gian sau đó, người ta đến báo cho Giuse: "Cha ngài lâm bệnh". Ông liền đem theo hai con trai là Manátxê và Êphraim. Giacóp được tin người cho hay: "Giuse con ông đến thăm ông". Giacóp cố gượng ngồi dậy. Ông chúc lành cho Giuse. và nói thêm: "Xin Chúa là Đấng mà tổ phụ tôi là Abraham và Isaac đi trước thiên nhan, là Đấng dẫn dắt tôi từ ngày đầu của cuộc đời đến nay, xin thiên thần đấng đã cứu tôi khỏi mọi điều ác, chúc phúc cho các con tôi! Ước gì danh tôi và của tổ phụ tôi Abraham và Isaac tồn tục nơi con tôi và chúng có được hậu duệ đầy tràn trên mặt đất". (Theo ST 37-48)

5. "Ta sẽ đưa các con ra khỏi Ai Cập"

Dân Israel luôn giữ lại trong ký ức câu chuyện đi ra khỏi đất Ai Cập như là một sự kiện xây dựng nên lịch sử của dân họ. Thiên Chúa cứu độ và giải thoát, luôn đứng về phía những kẻ bị áp bức và sẵn sàng cứu giúp họ; đó là Thiên Chúa của chuyện Xuất Hành, Thiên Chúa đó đã mạc khải như thế trong quá khứ và cũng là Thiên Chúa của ngày nay và muôn đời.

Những sách trong Kinh Thánh thường nhắc lại việc giải thoát người Do Thái bị làm nô lệ tại Ai Cập. Kỷ niệm xưa về việc tổ tiên Israel chịu đàn áp thê thảm nên các ký sự sau đây về hành động giải thoát của Thiên Chúa.

Một vị vua mới lên ngôi trị vì Ai Cập, vua này không còn biết Giuse là ai cả. Ông tuyên bố với dân chúng:

"Này các người xem: dân Israel ngày càng đông và giàu mạnh hơn chúng ta. Đã đến lúc phải có những biện pháp ngăn cản họ không cho họ sinh sôi nảy nở thêm đông và rồi liên kết với kẻ thù của chúng ta, gặp khi có chiến tranh sẽ đánh lại chúng ta rồi tẩu thoát ra khỏi nước".

Và như thế, người ta ra lệnh cho các người cai nô lệ buộc dân Israel phải gánh chịu những lao tác cực nhọc. Nhưng càng bức bách họ bao nhiêu, họ càng tăng thêm dân số đến độ người Ai Cập phải lo ngại. Người Ai Cập buộc họ

phải chịu cảnh nô lệ rất khốn khổ và đày đọa cuộc sống họ bằng những công tác nặng nhọc như chế xi măng và đúc gạch, cũng như làm đủ thứ việc đồng áng. (XH 1,8-14)

Đối với kẻ có quyền hành, chuyện đô hộ một cách tuyệt đối và khai thác kẻ bị trị là một chuyện thường xảy ra. Israel cũng có kinh nghiệm này trong thời kỳ các vua. Các câu chuyện Thánh Kinh có nói đến một vị chỉ huy lao tác điều khiển các công trình khổ sai vào thời vua David. Dưới thời Salômôn, chính dân Israel phải chu toàn các công tác này.

Vua Salômôn ra lệnh chỉ định khắp xứ những người đê lao tác bắt buộc. Có đến 30,000 đi lao tác kiểu này. Tuần tự luân phiên, Salômôn đày đến Libăng 10,000 người trong số nói trên, mỗi đoàn lao động ở Libăng một tháng và ở quê nhà hai tháng. Adôninam là người phụ trách công việc này. Salômôn còn có thêm 70,000 người phu khuân vác và 80,000 thợ đẽo đá trong núi, không kể 3,300 cai thợ lo theo dõi công trình và chỉ huy các toán thợ. Vua ra lệnh phải đục những tảng đá thật lớn, đẹp để làm nền cho Đền Thánh (1 CV 5,27-31).

Thiên Chúa cứu độ và giải thoát, vì thế con người có thể cầu cứu Ngài trong cảnh nghiệt ngã và trình bày với Ngài những nỗi tang thương.

Lạy Chúa, xin trả lại cho con công lý,

xin bảo vệ con trước những người không có lòng thương xót,

xin giải thoát con khỏi kẻ gian dối và tàn ác.

Chính Chúa là Đấng bảo vệ con:

sao Chúa lại ruồng rẫy con?

Sao con có thể phải ra đi trong buồn khổ, bị đàn áp bởi quân thù?

Xin ban ánh sáng và chân lý của Chúa để dẫn dắt con; đưa con về đến núi thánh của Chúa.

Con sẽ tiến về bàn thờ của Chúa,

Thiên Chúa là nguồn vui, hạnh phúc của con,

và con sẽ gảy đàn ca tụng Chúa, lạy Chúa, Thiên Chúa con.

Tại sao con phải than van?

Hãy tin vào Chúa,

vì con luôn muốn cảm tạ Ngài,

Ngài là Đấng cứu độ và là Chúa con.

(TV 43)

Thiên Chúa can thiệp để mang lại niềm hy vọng và can đảm cho dân Israel, thúc dục họ ra đi.

Thiên Chúa nói với Môisen: "Ta đã thấy sự khốn cực của dân Ta còn ở đất Ai Cập, và Ta đã nghe tiếng kêu la vì bị đàn áp. Vâng, Ta biết đến nỗi khổ đau của dân Ta. Ta đã đến để cứu thoát dân Ta khỏi tay người Ai Cập và dẫn chúng về một vùng đất đầy sữa và mật". (XH 3,7-8)

Lời hứa này của Thiên Chúa cùng xuất hiện với mặc khải về tên Ngài. Thiên Chúa tự xưng mình trước dân Ngài như là Đấng "ở với họ" và mãi mãi với họ. Nhờ Chúa giúp, Môisen dẫn dân Israel ra khỏi đất Ai Cập.

Chúa phán cùng Môisen: "Nay những lời than van của dân Israel đã đến tận Ta và Ta đã thấy sự đàn áp mà dân Ai Cập buộc họ phải chịu. Hãy ra đi, Ta sai con đến gặp Pharaông để đưa người Israel dân Ta ra khỏi Ai Cập". Môisen thưa cùng Chúa: "Con là gì mà đến gặp Pharaông và đưa dân Israel ra khỏi Ai Cập?" Nhưng Chúa lại trả lời ông: "Ta sẽ ở cùng con; và đây là dấu chỉ cho thấy Ta sai con: khi con đã đưa dân ra khỏi Ai Cập rồi, con sẽ thờ phụng Ta trên núi này". Môisen thưa lại: "Khi con đến gặp dân Israel và nói với họ: Chúa của tổ phụ các ngươi đã sai tôi đến với các ngươi; nếu họ hỏi con tên Ngài là gì, con trả lời thế nào với họ?" Chúa trả lời Môisen: "Ta là Đấng Tự Hữu" và Chúa phán tiếp: "Đây là những gì ngươi phải nói với con cái Israel: "Đấng Tự Hữu" đã sai tôi đến với các ngươi". (XH 3,9-14)

Luôn tin vào Chúa, dân Israel ra khỏi Ai Cập. Dầu bị quân Ai Cập đuổi bắt, họ vẫn thoát một cách vinh quang và họ ca tụng vinh quang Thiên Chúa bằng những bài ca.

Bấy giờ, Môisen và dân Israel xướng lên bài ca sau đây để ca tụng Thiên Chúa:

"Con muốn ca tụng Chúa, vì Ngài đã bày tỏ vinh quang Ngài.

Ngài đã hát nghê và kỵ binh xuống biển.

Chúa là sức mạnh của con, là Đấng con ca tụng,
chính Ngài đã cứu độ con.

Ngài là Chúa con, và con muốn ca tụng Ngài,
là Chúa của tổ phụ con, và con muốn tung hô sự cao cả
của Ngài.

Chúa là Đấng uy dũng nhất trong cuộc chiến đấu,
tên Ngài là Giavê.

Ngài đã hát các xe chiến của Pharaông và đạo binh của
ông xuống biển,

Sóng nước phủ lên họ, họ bị cuốn sâu xuống đáy biển
như hòn đá.

Lạy Chúa, tay Chúa uy dũng, đánh nát quân thù.

Ngài đã đánh ngã kẻ thù bằng sức mạnh phi thường;

Ngài phóng cơn lửa giận dữ,

con giận đốt cháy chúng như rơm.

Lạy Chúa, thần nào ví được với Ngài,

ai dám ví với Ngài, Ngài tỏa ban sự thánh thiện,

làm khiếp đảm vì bao kỳ công, Đấng tác thành những
việc lạ lùng?"

Nữ ngôn sứ Maria cầm trống cơm trong tay, và tất cả
các phụ nữ cũng cầm trống theo bà nhảy múa. Bà tập cho
dân Israel hát điệp khúc này:

"Hãy hát ca Thiên Chúa, vì Ngài tràn đầy vinh quang,
Ngài đã lật nhào ngựa và kỵ binh xuống biển!" (XH
15,1-7.11,21-22)

Tác giả của Thánh Vịnh 66 cũng nhắc lại kỳ công này của Thiên Chúa. Chính tác giả cũng đã có kinh nghiệm về những sự can thiệp của Thiên Chúa.

Toàn thể trái đất, hãy hoan ca Thiên Chúa,
hãy ca tụng danh Ngài vinh quang
hãy tung hô Ngài bằng lời ca ngợi.

Hãy thưa cùng Chúa: "Những việc Ngài làm thật là kỳ
diệu!

Quyền năng của Ngài quá lớn lao đến nỗi ngay kẻ thù
cũng ca tụng.

Ước gì toàn thể trái đất quy phục Ngài
và ca tụng Ngài, triễn dương danh Ngài".

Hãy đến xem việc Chúa đã làm,
những kỳ công hiển hách Ngài đã làm cho con người,
Ngài đã biến đổi biển thành đất khô;
người ta đã qua sông chân không thấm nước,
ước gì niềm vui của chúng ta nằm ở nơi Ngài.

Hỡi các dân tộc, hãy chúc tụng Chúa
và hát to lên ca tụng Ngài.

Ngài đã gìn giữ mạng sống chúng ta,
và giúp chân ta khỏi vấp ngã.

Hỡi tất cả những ai kính sợ Thiên Chúa, hãy đến nghe,
tôi kể những gì Chúa đã làm cho tôi.

Tôi đã kêu đến Ngài,
 tôi đã ca tụng Ngài.
 Nếu tôi đã có ý gian trong tâm hồn tôi,
 thì Chúa đã không nghe lời tôi.
 Nhưng Chúa đã nghe tôi,
 Ngài đã ghé tai nghe tiếng tôi cầu nguyện.
 Hãy chúc tụng Chúa, Đấng không từ chối lời cầu xin
 của tôi,
 và không để tôi thiếu thốn tình yêu của Ngài.
 (TV 66,1-6.8.9.16-20)

Nhiều bản văn Kinh Thánh ca tụng Thiên Chúa, Đấng
 đã giải thoát dân Ngài, và dâng lên lời cảm tạ.

Dân Israel ra khỏi Ai Cập an toàn. Họ cắm lều cạnh sa mạc. Chúa dẫn lối họ đi, ban ngày Ngài dùng cột khói để chỉ đường, ban đêm có cột lửa để chiếu sáng; nhờ thế, họ tiếp tục ngày đêm lên đường. Khi Pharaông được tin dân Israel đã bỏ trốn, lòng vua lại thay đổi. Vua ra lệnh chuẩn bị xe chiến và đem theo binh mã. Vua chọn 600 xe chiến hảo hạng cũng như tất cả xe ngựa dân Ai Cập có thể có, chở đầy kỵ binh. Pharaông nhất quyết lên đường đuổi theo dân Israel. Còn dân này thì ra đi không hề sợ hãi. Dân Ai Cập với đoàn ngựa và xe chiến của Pharaông, kỵ binh và toàn quân, lên đường truy đuổi và bắt kịp dân Israel tại nơi cắm lều gần bờ biển. (XH 13,18.20-21; 14,5-9)

Khi Pharaông sắp đến gần, dân Israel thấy quân Ai Cập nhào đến đuổi bắt mình. Họ sợ hãi và kêu la xin Thiên Chúa cứu giúp. Họ nói với Môisen: "Ai Cập đâu có thiếu mỗ mà để chôn chúng tôi, có sao ngài lại dẫn chúng tôi đến đây để chết nơi sa mạc này? Ông đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập để làm gì?" Môisen nói với dân chúng: "Các ngươi cứ yên tâm, hãy vững tin rồi hôm nay các ngươi sẽ thấy việc Chúa làm để giải thoát các người. Chúa sẽ chiến đấu thay các người, còn phần các người, các người sẽ không phải làm gì cả"

Chúa phán cùng Môisen: "Con hãy ra lệnh cho dân Israel đổi hướng đi và đến cắm lều ngay cạnh biển. Và con hãy đưa cây gậy của con lên, chỉ xuống biển và chẻ nước trước mặt để dân Israel có thể đi qua. Còn Ta, Ta sẽ làm cho quân Ai Cập mù quáng đuổi theo con cái của Israel. Quân Ai Cập sẽ nhận biết Ta là Chúa, khi Ta chiến thắng vua Pharaông"

Thiên thần của Chúa dẫn đầu đoàn người Israel nay đi chặn lối sau lưng họ. Cột lửa đi đằng trước nay cũng dời về phía sau lưng, ở ngay giữa dân Israel và trại binh Ai Cập. Khói đen bao phủ tối tăm và màn đêm ụp xuống làm cho quân thù không liên lạc được với nhau.

Môisen chỉ tay xuống biển. Chúa làm cho nước rút lui bằng một cơn gió đông thổi thật mạnh suốt đêm. Gió làm biển khô. Nước xé ra làm đôi và dân Israel bước đi không hề

ước chân. Quân Ai Cập đuổi theo: tất cả ngựa của Pharaông xe chiến và kỵ binh ào ào tiến vào lòng biển để đuổi bắt dân chúng.

Đêm gần tàn, từ đỉnh cao của ngọn lửa khói, Thiên Chúa nhìn quân Ai Cập và gieo vào lòng họ nỗi hãi hùng. Ngài chặn bánh xe chiến ngăn không cho tiến. Quân Ai Cập hốt hoảng kêu lên: "Rút lệ lên, vì Chúa chiến đấu giúp dân Israel chống lại Ai Cập".

Chúa lại phán với Môisen: "Con hãy chỉ tay xuống biển để nước phủ lên quân Ai Cập, xe chiến và kỵ binh".

Môisen chỉ tay xuống biển. Nước ngập tràn lòng biển như cũ vào buổi sáng sớm. Quân Ai Cập đang tháo lui gặp phải sóng biển và Chúa cho họ ngã nhào. Nước dâng lên nhận chìm xe chiến và kỵ binh của cả đạo quân Pharaông. Không một người sống sót. Trước đây con cái Israel bước đi ngay giữa lòng biển này như bước trên đất khô. Ngày hôm đó, Chúa đã giải thoát dân Israel khỏi tay người Ai Cập. Khi dân Israel thấy được quyền uy cao cả của bàn tay Thiên Chúa đã hủy diệt quân Ai Cập, dân chúng bắt đầu kính sợ Thiên Chúa, họ tin tưởng vào Ngài, cũng như chính vào Môisen tôi tớ Ngài. (XH 14,10-11.13-31)

Giai đoạn lịch sử này mang một tầm vóc quan trọng chủ yếu trong toàn lịch sử Israel. Kỷ niệm hành vi cứu độ

của Chúa "Thiên Chúa đã đưa ngươi ra khỏi Ai Cập", bênh đờ Israel, được nhắc đi nhắc lại trong các bản văn Cựu Ước. Một người cha đã kể cho con câu chuyện đó thế này:

Mai đây khi con của con hỏi con: "Những giới răn này, những lề luật mà Chúa đã ban cho con có nghĩa gì?". Con trả lời cho nó thế này: "Chúng ta đã ở đất Ai Cập, làm nô lệ của vua Pharaông, và bàn tay uy dững của Chúa đã đưa chúng ta ra khỏi xứ đó. Chúa đã làm cho mắt chúng ta thấy tận tường những dấu chỉ trọng đại làm kinh hoàng Ai Cập, Pharaông và gia đình của vua ấy. Ngài đã cứu chúng ta và ban cho chính chúng ta". (TL 6,20-23)

Trong lời cầu xin tha thiết, người dân quê đã gọi lại việc Chúa đã làm cho tổ tiên ông.

Khi người vào rừng đất mà Chúa là Thiên Chúa ngươi ban cho ngươi làm của thừa tự, và ngươi định cư ở đó. Ngươi phải lấy một phần của tất cả sản phẩm thu hoạch được nơi đất mà Chúa là Thiên Chúa ngươi ban cho ngươi; ngươi đặt chúng vào một cái thúng, và thân hành đến nơi Chúa là Thiên Chúa ngươi đã chọn để mang lấy tên Ngài. Ngươi tự trình diện trước thầy cả để vị ấy nhận sản vật ở nơi tay ngươi, và đặt nó trước bàn thờ Chúa Thiên Chúa ngươi. Bây giờ ngươi nói trước nhan Chúa Thiên Chúa ngươi: "Tổ phụ con người du mục Aramêen đã từng đến Ai Cập với một số ít người, sống thân phận ngoại kiều, nhưng sau đó trở thành

một dân tộc lớn, hùng mạnh và đông đúc. Người Ai Cập đã bạc đãi, khinh rẽ chúng con và buộc chúng con làm nô lệ cho họ. Chúng con liền kêu đến Chúa, Chúa của các tổ phụ chúng con. Ngài nghe lời chúng con than van, Ngài đã thấy cảnh khốn khổ, nhọc nhằn và bị áp bức của chúng con. Chúa đã đưa chúng con ra khỏi Ai Cập bởi quyền uy của những kỳ công hiển hách do Ngài. Ngài đã đưa chúng con đến vùng đất này và ban cho chúng con xứ sở đầy sữa và mật". (TL 26,1-9)

Kỷ niệm về cuộc xuất hành khỏi Ai Cập luôn là nền tảng cho sự tự do và giải phóng. Ngôn sứ "Đeutêrô-Isaia" mô tả việc chấm dứt đương nhiên của cuộc lưu đày ở Babylon (vào khoảng 550 trước Chúa Giêsu Kitô) như là một cuộc xuất hành mới. Một lần nữa Chúa lại chứng minh quyền uy Ngài và mặc khải cho biết Ngài là Đấng cứu độ duy nhất.

Vào thời lưu đày ở Babylon (vào khoảng năm 550 trước Chúa Giêsu Kitô) ngôn sứ nhắc lại những việc kỳ diệu của Chúa đã làm cho dân Ngài để khích lệ những kẻ bị đày. Cũng như trước đây đối với dân Israel thời Môisen, rồi đây sẽ có một cuộc xuất hành mới, mang lại cứu thoát và tự do. Thiên Chúa luôn lo lắng cho dân Ngài.

Này Chúa phán,

Chúa là Đấng đã tạo dựng ra người hỡi Giacóp,

và đã giáo huấn người hồi Israel,
 người đừng sợ gì cả và Ta sẽ cứu chuộc người,
 Ta gọi tên người, người thuộc về Ta.
 Khi người phải vượt qua sóng nước, Ta ở với người,
 và sông nước không nhận chìm người.
 Khi người phải bước đi trên lửa đỏ,
 người không bị phỏng cháy.
 Bởi vì Ta là Chúa Thiên Chúa người,
 Đấng Thánh của Isarel, Đấng cứu độ người.
 Ta ban cho người xứ Ai Cập để người được cứu;
 Êtiôpia và Sêba đổi lấy người.
 Bởi vì người đáng cho Ta mến yêu người,
 Ta đổi nhiều dân tộc để chọn người,
 Ta bỏ nhiều xứ đổi lấy người.
 Người đừng sợ hãi, ta ở với người.
 Ta sẽ đưa con cái người từ Đông phương trở về
 và tập họp người lại từ Tây phương.
 Ta sẽ nói với Bắc phương: "Hãy trả lại các người đó!"
 và với Nam phương: "Đừng giữ họ lại nữa!"
 Người hãy đưa con trai Ta từ các miền xa
 và các con gái Ta từ cùng tận trái đất trở về.
 Chúa phán thế này,
 Chúa, Đấng đã cứu chuộc các người, Ngài là Thánh của
 Israel:
 bởi vì Ta yêu các người, Ta sẽ sai người đến Babylon
 để đập đổ cửa tù ngục,
 và dân Babylon sẽ kêu gào than khóc.

Ta là Chúa, Thiên Chúa thánh thiện của các ngươi,
Đấng tạo hóa, Vua các ngươi.

Này Chúa phán,

Chúa, Đấng đã mở đường đi qua biển,
một đường đi ở giữa các làn sóng nước,

Đấng đã đẩy xe, ngựa,

và một đạo quân đông đúc xông xáo;

chúng lật nhào và không đứng dậy nữa,

chúng chìm ngũm như một tim đèn.

Các ngươi không còn nhớ những ngày xa xưa,

không còn nghĩ đến chuyện đã qua sao.

Này, Ta sắp tái diễn việc đó,

nó đã xuất hiện rồi, các ngươi không thấy sao?

Ta sắp mở một con đường trong sa mạc

và cho ngàn suối chảy trong rừng hoang.

Thú rừng hoang sẽ ca tụng Ta,

sói và đà điểu,

bởi vì Ta lại làm nước trào ra trong sa mạc

và ngàn suối chảy trong rừng hoang,

để dân Ta, dân Ta đã chọn, không bao giờ còn khát.

Dân mà Ta đã tác thành cho Ta lại sẽ ca tụng Ta!

(IS 43,1-6.14-21)

6. "Ta là Chúa, Thiên Chúa ngươi"

Đối với dân Israel, quá khứ được xem là hình ảnh của sa mạc. Nơi đây, họ đã có kinh nghiệm về Chúa ở gần họ, bảo vệ và ban sự sống. Trong các bài hát và các bản văn Kinh Thánh, Israel nhắc nhở sự có mặt của Thiên Chúa quyền năng và cứu độ.

Lạy Chúa, khi Ngài từ Xêia đi ra,
khi từ các cánh đồng Edom Ngài đến và xuất hiện,
trái đất rung chuyển, trời ào ạt mưa tuôn
và mây tan thành nước.

Các ngọn núi rung chuyển trước Thiên Chúa
ngay cả núi Sinai cũng ngã nghiêng trước nhan Chúa,
Thiên Chúa của Israel. (Thp 5, 4-5)

Lạy Chúa, khi Ngài hiện hình đi trước dẫn đường dân
Ngài,

khi Ngài dẫn đưa họ đi trong sa mạc, trái đất rung
chuyển,

chính trời cao cũng mưa tuôn trước nhan Ngài,
ngọn núi Sinai ngã nghiêng trước Thiên Chúa Israel.

Lạy Chúa, Chúa đã đổ mưa móc hồng ân Chúa,
Chúa đã phục sức cho dân Chúa đang tiều tụy mỗi mòn.
Chúa đã đến từ núi Sinai.

Từ Xêia Ngài đã xuất hiện nơi chân trời vì dân Ngài.

Ánh sáng của Ngài tỏa lan từ ngọn núi Paran. (TL 33,2)

Những bản văn Kinh Thánh xưa không những kể lại
việc dân Isarel đã sống trong cuộc hành trình qua sa mạc.
Chúng còn nói đến con người của mọi thời đại, và có một

tâm vóc phổ quát. Chúng muốn chứng minh rằng Thiên Chúa có thật:

- một Thiên Chúa lớn lao và uy quyền, hiện diện của Ngài có thể làm mọi người run sợ. Ngài ở trên mọi sự và không có ai có thể điều khiển được Ngài.

- một Thiên Chúa ban sự sống đầy tràn và có thể làm cho sa mạc nở hoa.

- một Thiên Chúa ở cạnh dân Ngài, luôn thân cận, ngay cả trong những bước nguy nan.

Có nhiều hình ảnh khác còn được dân cư vùng sa mạc Sinai dùng để nói về Thiên Chúa. Đối với họ quyền uy Thiên Chúa tỏ ra nơi sức mạnh và hào quang của sấm sét.

Sau khi ra khỏi Ai Cập, dân Israel đến Sinai. Họ cắm lều đối diện với ngọn núi. Sáng ngày thứ ba, có một tiếng sấm động lớn và sét lóe sáng và một lớp khói dày phủ khắp ngọn núi. Cả đoàn người trong các lều run lên. Môisen cho dân ra khỏi lều để đến gặp Thiên Chúa, họ dừng lại ở chân núi. Toàn ngọn núi Sinai bấy giờ là khói khói vì Chúa đã ngự đến giữa các ngọn lửa cháy. Lửa khói hùng hực bốc lên như hỏa lò, toàn ngọn núi rung chuyển mạnh. Môisen lên tiếng và Chúa trả lời ông bằng những tiếng sấm động. Chúa ngự xuống trên chóp núi Sinai. Chúa gọi Môisen lên đó. Và Môisen đi lên. Chúa phán với ông: "Hãy xuống núi và ra lệnh cho dân chúng đừng vượt hàng rào ngăn để tìm đến chiêm ngắm Chúa là Thiên Chúa, vì nếu không nhiều kẻ phải

bỏ mạng. Ngay các thầy cả, nếu muốn đến gần Chúa, cũng phải thanh tẩy, bằng không thì Chúa sẽ nổi giận với họ".

Môisen thưa cùng Chúa: "Dân không thể leo lên núi Sinai, vì chính Chúa đã ra lệnh cho chúng như thế; xin Ngài làm đường ranh chung quanh núi và tuyên bố núi này là thánh".

Môisen xuống núi và truyền lại lệnh của Chúa. Trước cơn sấm động, sét lóe sáng và ngọn núi bốc khói, toàn dân run sợ và đứng xa xa. Họ nói với Môisen: "Có gì ông nói với chúng tôi, chúng tôi sẽ nghe ông. Nhưng xin Chúa đừng trực tiếp nói, vì chúng tôi sợ mà chết". Môisen trả lời với dân chúng: "Các ngươi chớ sợ! Chính Chúa muốn thử thách các ngươi nên Ngài đã đến, và sự sợ hãi các ngươi cảm thấy đó giúp các ngươi tránh tội lỗi". Vì thế, dân chúng đứng đằng xa còn Môisen tiến lại gần cột khói nơi Chúa hiện ra. (XH 19, 1-2.16-25; 20.18-21)

Một tác giả Thánh Kinh khác, người "viết sách Thứ Luật" vào thời cận đại hơn, nói đến một kinh nghiệm về Thiên Chúa, nặng tình cảm thán phục và sợ hãi. Lời của Chúa Israel có một uy lực lớn lao đến nỗi không gì có thể chịu nổi.

Môisen tập trung toàn dân lại và nói: "Vừa nghe tiếng vọng ra từ bóng tối khi núi còn phủ khói lửa, các ngươi đã

đến gần ta với các trưởng tộc và kỳ lão của các người để nói với ta rằng: "Này đây Thiên Chúa Chúa chúng ta đã tỏ bày vinh quang và cao cả của Ngài, và chúng tôi được nghe tiếng Chúa từ trong cột lửa. Hôm nay, chúng tôi đã thấy Thiên Chúa có thể nói chuyện với một người mà người đó không mất mạng. Tuy nhiên, tại sao lại phải liều mạng dám đụng đến lửa sấm sét. Nếu cứ mãi muốn tận tai nghe lời Chúa là Thiên Chúa chúng tôi, thì chúng tôi sẽ phải chết. Ai là người đã nghe lời Chúa, Thiên Chúa sống động xuất hiện từ cột lửa cháy, như chúng tôi đã từng được nghe mà còn được sống toàn mạng?" (TL 5,1.23-26)

Thiên Chúa lên tiếng nói với Israel không phải là một Thiên Chúa xa lạ. Ngài là Chúa đã từng đem Israel ra khỏi đất Ai Cập, là Đấng luôn có mặt bên cạnh cuộc sống của họ. Chính vì thế, dân Israel có thể sống còn tại nơi sa mạc, và đã nhận các điều răn của Chúa làm giềng mối dẫn lối cuộc sống. Dân đó biết rằng cuộc sống của họ, sống thành dân tộc, tùy thuộc vào sự gắn bó vào Thiên Chúa của họ.

Mười điều răn được xuất hiện lần hồi như là sự đáp trả của dân Israel đối với tình yêu này của Chúa. Phần đầu của mười điều răn nói đến quyền của Chúa: Nếu Thiên Chúa đã cứu thoát dân Ngài, thì dân đó chỉ có một Chúa.

Nhưng ngay trong phần đầu, các quyền của Thiên Chúa liên hệ đến quyền của con người. Điều răn nói về ngày nghỉ

lễ Sabát dựa vào sự cần thiết về thời gian con người, cũng như loài vật lao tác phải nghỉ ngơi. Việc chiếm hữu đất hứa chỉ có thể thực hiện được khi con cái kính trọng cha mẹ mình, và săn sóc họ.

Phần thứ hai của các điều răn là các luật lệ liên quan đến các mối tương giao huynh đệ. Đời sống và sự tự do là những món quà của Thiên Chúa; chúng chỉ có thể tồn tại khi cuộc sống và tự do của kẻ khác được tôn trọng.

Ta là Chúa, Thiên Chúa của người Đấng đã làm cho người thoát khỏi chốn nô lệ, người không còn thần nào khác ngoài Ta. Người không khắc một tượng hình nào phỏng lại bất cứ cái gì ở trên trời, dưới đất hay dưới nước. Người không thờ lạy các hình tượng, phụng sự chúng vì Ta là Chúa Thiên Chúa người, Ta là Chúa hay ghen tương sẽ phạt những kẻ ghét Ta, kể cả con cháu nó liên tiếp ba bốn đời vì tội cha nó, nhưng Ta sẽ đối xử tốt lành đến ngàn đời, với những ai thương mến Ta và tuân phục giới răn Ta.

Người không được vô cớ kêu danh Ta, vì Ta là Thiên Chúa sẽ không quên phạt kẻ nào lạm dụng danh của Ta.

Người phải giữ ngày nghỉ Sabát; hãy giữ ngày đó như là ngày thánh, như Chúa Thiên Chúa người đã răn dạy người. Người có sáu ngày để làm việc của người, nhưng ngày thứ bảy dành cho Chúa Thiên Chúa người, người

không được làm một việc gì cả, kể cả con trai, con gái, tôi tớ trai gái, bò lừa, loài vật của người, kể cả người ngoại quốc cư trú tại nhà người, để cho tôi tớ trai gái cũng được nghỉ ngơi như người. Hãy nhớ rằng người từng làm nô lệ tại Ai Cập, Chúa là Thiên Chúa với bàn tay thần lực, cánh tay uy dũng đã làm cho người thoát khỏi nơi ấy. Chính việc đó, Chúa là Thiên Chúa đã răn dạy người phải giữ ngày nghỉ Sabát.

Người hãy kính trọng cha mẹ người, như Chúa là Thiên Chúa đã ra lệnh cho người, để người có được tuổi thọ và hạnh phúc ở đời mà Chúa ban cho người.

Người không được giết người.

Người không được ngoại tình.

Người không được trộm cắp.

Người không được làm chứng gian chống lại người bên cạnh.

Người không được thêm muốn vợ người bên cạnh, người không được chiếm nhà, ruộng vườn, tôi tớ nam nữ, bò, lừa người bên cạnh: bất cứ cái gì thuộc về kẻ khác. (TL 5,6-21)

Những điều răn của Thiên Chúa, là hy vọng và niềm vui, là sự chúc phúc và là lời hứa ban cho con người, như Thánh Vịnh mô tả:

Phúc thay cho kẻ có đời sống ngay lành,
và sống đời mình theo luật Chúa.

Phúc thay cho kẻ ân cần tuân giữ lệnh Chúa
 và tận tâm muốn sống như thế,
 không làm điều ác,
 bước đi trên con đường Chúa chỉ.
 Chúa đã ban cho giới răn của Chúa
 để mọi người trung thành tuân giữ.
 Con muốn sống đời con
 theo ý Chúa hoàn toàn.
 Và con sẽ không xấu hổ
 nếu con biết hướng mắt con nhìn theo giới răn của
 Chúa.

Con sẽ thành tâm ca tụng Chúa;
 vừa học biết các luật lệ ngay chính của Ngài.
 Con muốn làm theo ý Chúa;
 nhưng xin Chúa đừng bao giờ bỏ con. (TV 119,1-8)
 Các giới răn của Chúa mang đến cho con bao niềm hân
 hoan,
 và con yêu mến chúng hết lòng.
 Con giang tay đón nhận các giới răn con yêu thích,
 con suy nghĩ xem Chúa muốn gì cho đời chúng con.
 Xin Chúa nhớ lại lời Chúa đã nói với tôi tớ Chúa
 lời đó đã thúc dục tâm hồn con hy vọng.
 Nó an ủi con trong cơn khốn khổ;
 lời hứa của Chúa ban cho con sự sống.
 Những kẻ kiêu căng dèm pha con,
 nhưng con không xa rời Chúa.

Lạy Chúa, con nhớ lại những phán đoán ngày xưa của Chúa,

và con được ủi an.

Những chỉ dẫn của Chúa là bài ca của con,
con chỉ là kẻ ngoại kiều trên trần thế này.

Đêm đêm, con nhớ đến Chúa, lạy Chúa,
để tuân giữ luật Ngài.

Gia phần con, chính là tuân giữ lời dạy của Chúa.

Ai yêu mến luật Chúa thì có được an bình toàn vẹn
và không gì làm họ phải ngã nghiêng. (TV 119,47-
56.165)

7. "Ta sẽ kết một giao ước với các ngươi"

Israel nghiền ngẫm lịch sử quá khứ của mình. Nhờ thế dân này biết được rằng Chúa luôn ở với con người, sẵn sàng giúp đỡ họ.

Những người trung tín của dân Israel thích gọi lại những truyền thống của họ. Họ tìm những hình ảnh và cách nói mới để diễn tả bằng lời những gì có thể hiểu được: Chúa đã lo lắng cho con người đến độ nào.

Trong các bản văn ghi chép, các thầy cả nói đến một giao kèo hay một kết ước Chúa đã thực hiện với Noê và Abraham. Họ cố tìm cách chứng minh rằng Chúa hứa trung tín với con người. Lời hứa đó là ơn Chúa ban, kêu mời con người đáp trả với Thiên Chúa bằng tình yêu độ lượng.

Hãy ca tụng Chúa, hãy kêu lên danh Ngài,
 hãy nói giữa muôn dân các việc Ngài đã làm!
 Hãy hát ca chúc tụng Ngài,
 hãy gầy lên các loại đàn tung hô Ngài,
 hãy nhắc lại luôn mãi các kỳ diệu của Ngài!
 Ước gì nhờ danh rất thánh của Ngài
 các người được hưởng vinh quang.
 Hãy hoan hỉ, hỡi những kẻ tìm kiếm Thiên Chúa!
 hãy quay về Chúa và quyền năng của Ngài,
 hãy luôn tìm kiếm nhan Ngài không ngừng!
 Hãy nhớ lại những việc kỳ diệu Ngài đã làm,
 những kỳ công và các quyết định của Ngài.
 Hãy nhớ đến Chúa,
 hỡi con cái Abraham người tôi tớ trung tín của Chúa,
 hỡi con cái Giacóp, là người Ngài đã chọn:
 Chúa là Thiên Chúa chúng ta,
 phán quyết của Ngài bao trùm toàn thể trái đất.
 Ngài luôn nhớ giao ước của Ngài,
 lời Ngài đã ban cho muôn ngàn thế hệ:
 lời hứa nói cùng Abraham,
 lời hứa với Isaac. (TV 105,1-9)

Tác giả sách thứ luật lại nêu lên sự trung tín của Thiên Chúa. Ông mô tả những kỳ công Chúa đã làm trong quá khứ. Những kỳ công đó muốn nói lên việc Chúa ban cho mọi người giao ước của Ngài.

Chính vì Chúa yêu các người và tôn trọng lời thề với các tổ phụ các người, mà Chúa đã dùng uy lực của bàn tay Ngài dẫn đưa các người và cứu các người khỏi nô lệ, khỏi quyền bính của Pharaông, vua Ai Cập. Và người biết rằng Chúa Thiên Chúa người là Chúa thật, Chúa trung tín giữ lời giao ước và tình yêu đối với muôn thế hệ, những người thương mến Ngài và tuân giữ giới răn của Ngài. Nếu các người tôn trọng luật Chúa, tuân giữ và thi hành, thì Chúa là Thiên Chúa sẽ tôn trọng lời giao ước và ban cho người sự cứu độ Ngài đã kết hứa với tổ phụ các người. (TL 7,8-9.12)

Giao ước giả thiết sự cam kết của đôi bên. Chúa cam kết trung tín và giữ các lời Ngài hứa, còn phần con người, con người cam kết tuân giữ luật lệ của Thiên Chúa. Sự đáp trả của con người đối với tình bằng hữu Chúa ban cho, chính là chấp nhận lời Chúa phán.

Môisen đem theo 70 người thủ lĩnh của dân Israel lên núi. Họ thấy Chúa của Israel; dưới chân họ, họ tưởng như đứng trên một nền bằng đá lung linh trong sáng không khác gì trời đầy sao. Chúa đã không làm cho kỳ mục dân Israel phải tai vạ; họ có thể thấy Ngài, sau đó còn ăn uống nữa. (XH 24,9-11)

Môisen đã trở về nói cho dân hay tất cả những lời của Chúa và lề luật của Ngài. Và toàn dân nhất tâm trả lời: "Chúng tôi sẽ làm những gì Chúa phán".

Bấy giờ, Môisen viết lại tất cả lời của Chúa. Sáng hôm sau, ông xây một bàn thờ ở chân núi và cho dựng mười hai trụ đá, mỗi trụ cho một thị tộc Israel. Môisen bảo các người thanh niên Israel dâng lên Chúa lễ toàn thiêu và cúng các bò mộng làm lễ tế kết hợp với Thiên Chúa. Môisen hứng một phần nửa máu trong chậu, còn đổ phần nửa còn lại trên bàn thờ. Ông lấy bản văn giao ước, đọc cho dân nghe, dân trả lời: "Chúng tôi sẽ làm những gì Chúa phán, chúng tôi sẽ vâng phục".

Môisen lấy máu, rảy lên trên dân chúng, và nói: "Đây là máu giao ước Chúa đã kết với các ngươi, theo tất cả những gì Ngài đã cam kết". (XH 24,3-8)

Giao ước buộc chỉ thờ một Chúa là Chúa duy nhất: Giavê. Dân Israel không thể cầu nguyện với một vị thần nào khác. Mỗi lần họ xa rời Giavê, Ngài lại gửi một người của Ngài đến để nhắc nhở giao ước đã kết ước với họ. Họ không bao giờ được quên những gì Chúa đã làm cho họ trong quá trình lịch sử dân họ.

Ngươi hãy tuân giữ tất cả những gì hôm nay ta ra lệnh cho ngươi.

Ngươi không được thờ lạy bụt thần nào khác, vì Chúa gọi tên mình "là kẻ ghen", Chúa là Chúa hay ghen. Ngươi

không được ký giao ước với dân cư trong xứ, sợ rằng họ sẽ mời người dự vào việc thờ lạy các bụt thần của họ và dâng lễ cho các bụt thần đó, rồi người lại phải ăn đồ cúng của họ. Cũng để người khỏi chọn con gái họ làm vợ cho con trai người, các con gái đó sẽ dự đồ con trai người tế lễ bụt thần của chúng!

Người không được điêu khắc các tượng bụt thần. (XH 34,11.14-17)

Nhưng con người quên giao ước và thường bất trung với Thiên Chúa.

Hỡi dân ta, hãy nghe lời ta dạy bảo:

hãy lắng nghe ta phán với người.

Ta sẽ nói cho người hay và giúp cho người biết những gì cần biết về quá khứ.

Những gì chúng ta đã nghe và biết những gì cha ông chúng ta đã kể lại cho chúng ta, chúng ta sẽ không giấu diếm những việc đó với con cháu,

chúng ta sẽ kể lại cho thế hệ mai sau.

Chúng ta sẽ kể những kỳ công sáng ngời,

và quyền năng Thiên Chúa,

những việc kỳ diệu Người đã làm.

Chúa đã ban lề luật cho Giacóp,

luật của Ngài cho Israel.

Ngài đã ra lệnh cho cha ông chúng ta

phải truyền tụng tất cả cho con cháu,
 để thế hệ đi sau được tỏ tường,
 và để con cái đến phiên phải kể cho cháu chắt.
 Như thế, chúng sẽ biết tin vào Chúa,
 không quên những việc kỳ diệu của Ngài,
 và tuân giữ luật lệ.

Chúng sẽ trở thành như cha ông chúng,
 là thế hệ phản bội và khước từ tuân phục,
 thế hệ không tuân giữ luật và không trung thành với
 Chúa.

Con cái của Êphraim, thiện xạ thế kia,
 mà đã chạy trốn trong ngày chiến đấu.

Chúng đã không giữ giao ước của Chúa,
 từ chối tuân phục luật Ngài.

Chúng đã quên những việc kỳ diệu của Ngài,
 những kỳ công Ngài đã làm trước mặt chúng. (TV 78,1-

11)

Chúa đã dẫn dắt họ an toàn, họ không phải sợ hãi,
 khi biển phủ ngập quân thù.

Ngài đã đưa họ về đất thánh,

đến núi mà quyền uy Chúa đã chinh phục được.

Ngài đã đuổi những dân tộc tháo chạy trước mắt họ,
 chia cho họ đất của kẻ thù làm cơ nghiệp,

Ngài đã định cư tất cả bộ lạc Israel trong lều trại của
 họ.

Nhưng họ thách thức Thiên Chúa và chống lại Thiên
 Chúa Cao Sang.

Họ không tuân giữ các giới răn của Ngài,
 họ xa lánh Ngài, như các cung không dương lên nổi.
 Họ đã chọc giận Thiên Chúa bằng những nơi thờ cúng
 của họ,
 và làm Ngài ghen tức vì các bụt thần họ thờ.
 Khi thấy vậy, Chúa nổi giận,
 và bỏ rơi Israel. (TV 78,53-59)
 Ngài chọn bộ tộc Giuđa,
 và thích ngọn núi Sion,
 Ngài xây trên đó Đền Thánh Ngài,
 cao tận trời và bền vững như đất cứng đặt nền móng
 đời đời vững chắc. (TV 78,68-69)

8. "Ta ban cho các người một xứ sở"

Vào thời các tác giả viết Kinh Thánh bắt đầu thuật lại lịch sử quá khứ dân mình, xứ sở họ không hưởng được an bình. Xứ này bị các dân ngoại quốc xâm lược, đô hộ và bóc lột. Dân Israel biết rằng xứ họ không phải là quê gốc của tổ tiên họ, nhưng là quà tặng của Thiên Chúa.

Các tác giả gọi lại thời tổ tiên họ đến vùng đất hứa. Từ thời này đến ngày các thị tộc định cư tại Palestin, là một đoạn đường dài. dân Israel phải cần rất nhiều ngày giờ để ý thức được việc họ kết hợp thành một dân tộc, dân của Chúa.

Lúc đầu một vài nhóm dân Xêmit, bán du mục đi vào sâu trong xứ. Khi đi tìm đất ở cho mình và đồng cỏ cho thú

vật, họ làm quen với dân bản xứ. Những người tiên phong này đành phải rời các thành phố Canaan, vì bị dân ở đây đánh đuổi và áp bức. Họ thích trở lại sống đời thị tộc.

Thế rồi hai bên làm hòa ký kết sống chung và cuộc xâm thuộc trong hòa bình thể hiện dân. Lúc đầu họ không tìm cách vào ngay trong các thị trấn, cũng như không muốn đánh chiếm chúng.

Các con của Bengiamin không đuổi dân Giêbút-xê cư ngụ tại Giêrusalem, và cho đến nay dân Giêbút-xê vẫn cư ngụ tại Giêrusalem với con cháu Bengiamin.

Bộ tộc Mannát-xê không thể đánh đuổi dân Bét-xê-an, Gíp-lê-am và Mê-lít-đô. Dân Canaan tiếp tục ở lại trong xứ của họ. Tuy nhiên, khi Israel đã mạnh rồi, họ lại dùng người Canaan làm một số việc cho họ nhưng không đuổi đi.

Bộ lạc Ephraim cũng không đuổi người Canaan cư ngụ tại Giê-de. Vì thế dân Canaan tiếp tục sống với con cháu Ê-ph-ra-im.

Bộ lạc Dabulon cũng không đuổi dân Kít-rôn và Nahalôn. Vì thế người Canaan sống với bộ lạc Dabulon, nhưng bắt dân Canaan làm việc cho mình.

Bộ tộc Nêp-ta-li không đuổi dân cư Bét-xê-mê và Bê-ta-nát, họ định cư giữa dân Canaan trong xứ. Nhưng dân Bét-xê-mê và Bê-ta-nát phải làm một số việc họ sai làm.

Dân Amôrit dồn con cái Đan vào trong núi. Không cho xuống đồng bằng. Vì vậy dân Amôrit ở lại Ha Hêrét, Agialon và Saanbim; nhưng sau đó, khi nhờ Giuse tạo được thanh thế, họ lại chinh phục dân này và bắt làm việc cho mình. (Thp 1,21.27-35)

Lắm lúc dân Israel tạo được cảnh sống chung hòa bình với dân bản xứ bằng các hiệp ước. về điểm này, câu chuyện kể lại mưu mẹo của dân Gabaôn thật lý thú: dân Gabaôn quyết định dùng mưu. Họ ra đi, chất đầy lương thực dự trữ; họ chất lên lưng lừa những xắc cũ và bình rượu vang bằng vải bị rách, vá. Họ mang dày xạc xài và áo quần xốc xách. Bánh dự trữ thì khô và bẻ vụn. Họ đến gặp Gioduê tại trại Giangan và xin ông nói lại với toàn dân Israel thế này:

"Chúng tôi từ phương xa đến: xin các ông hãy ký một hiệp ước hòa bình với chúng tôi".

Dân Israel trả lời:

"Có thể các vị sống gần chúng tôi, vậy làm sao có thể ký hiệp ước hòa bình với các vị được?"

Nhưng họ thưa với Gioduê:

"Chúng tôi là tôi tớ của ông. Chúng tôi từ một xứ xa đến đây, vì danh Thiên Chúa Chúa của ông; chúng tôi đã được nghe nói đến danh Ngài và những gì Ngài làm ở Ai Cập. Vì vậy, các vị lãnh đạo chúng tôi và toàn dân chúng tôi

nói với chúng tôi: "Lấy lương thực dự trữ lên đường tìm họ và nói với họ: chúng tôi là tôi tớ các người, xin các người kết ước với chúng tôi". Các ông hãy xem bánh chúng tôi mang theo đây: ngày ra đi chúng còn nóng, nay đã khô và bẻ vụn. Mấy xác rượu bằng vải mới chứa đầy, nay đã thủng rồi. Áo quần giày dép chúng tôi đã cũ vì đường đi đến đây xa xôi".

Gioduê đồng ý về đề nghị hòa bình và ký kết với họ hiệp ước bảo đảm để họ được sống, các kỳ mục của dân Israel thề ước với họ.

Thế rồi, ba ngày sau hiệp ước, dân Israel mới biết rằng những người ấy là dân tộc lân cận, cư ngụ trong xứ Israel. Dân Israel nhờ trại và đến gần thành của họ. Họ không tấn công được vì các kỳ mục của cộng đồng đã lấy danh Chúa là Thiên Chúa Israel thề ước với những người này. Nhưng toàn cộng đồng dân chúng chống lại các kỳ mục. Những vị này trả lời: "Chúng tôi đã thề ước với họ nhân danh Chúa là Thiên Chúa Israel: do vậy chúng ta không thể đánh họ. Chúng ta phải để họ sống, nhưng buộc họ chặt củi, gánh nước cho toàn cộng đồng". (Giod 9,3...21)

Việc lấy thành Giêricô ghi lại trong ký ức dân chúng như một biến cố kỳ lạ. Đối với dân Israel, bí quyết của kỳ công đó là đức tin bền vững của dân chúng vào sự trợ giúp của Thiên Chúa. Lý tưởng nhằm đến đúng ra là các thị tộc

cùng nhau chiếm lấy đất hứa; nhưng một số thị tộc lại muốn hành động riêng.

Giêricô kiên cố thủ thành chống lại dân Israel. Không ai ra vào được cả. Chúa phán với Gioduê:

"Này, Ta sẽ trao thành Giêricô và vua trong xứ cho con. Tất cả các chiến binh tinh nhuệ, các người phải đi bao vây thành, trong sáu ngày con phải đi vòng thành như thế. Bảy thầy cả phải mang sáu cái kèn kêu lớn đi trước hòm bia. Ngày thứ bảy, các người đi bảy vòng thành và các thầy cả thổi kèn lên. Khi các người nghe kèn thổi lên, toàn dân hô lớn thì các tường thành sẽ sụp đổ. Bảy giờ dân nhào lên tấn công thẳng vào".

Ngày thứ bảy, họ dậy sớm và đi bảy vòng chung quanh thành. Đến lần thứ bảy, khi tiếng còi các thầy cả nổi lên, Gioduê ra lệnh cho dân: "Hét to lên, vì Chúa đã trao thành cho các người". Khi vừa nghe tiếng kèn, dân hô to và thành lũy bị sập. Đoàn người Israel tiến lên tấn công và chiếm thành. Giêricô bị họ chiếm.

Trong thực tế việc chiếm lấy thành Giêricô đã không xảy ra đúng theo sự kiện đã kể trong sách Gioduê. Câu chuyện đã được viết với mục đích chứng minh rằng Thiên Chúa luôn luôn ở với dân Ngài. Israel có thể bảo đảm rằng Chúa không bao giờ bỏ mình.

Một số người sùng tín lại từ chối phương pháp bạo động và không muốn gây ra chiến tranh. Họ chủ trương rằng phương thế duy nhất để bảo vệ mình là hoàn toàn phó thác vào uy quyền của Thiên Chúa.

Môisen nói với dân chúng: "Đừng sợ hãi gì! Hãy kiên trì và các ngươi sẽ thấy Chúa hành động để cứu chúng ta ngay bây giờ; vì những người Ai Cập mà hôm nay các người còn thấy sẽ không còn sống để cho các người gặp lại đâu! Chúa sẽ chiến đấu bảo vệ các người; còn các người, các người hãy ở yên". (XH 14,13-14)

Cuối cùng, chính Chúa sẽ can thiệp để mang lại cho dân Ngài hòa bình và tự do như ngôn sứ Isaia đã thoáng thấy.

Mai kia, sẽ xảy ra
chuyện núi nhà Chúa
cao hơn tất cả các núi

vượt lên trên mọi đỉnh đồi.

Toàn thể các dân tộc sẽ đến đó,

nhiều người sẽ đến thăm viếng và lên tiếng:

"Các người hãy đến, hãy lên núi của Chúa,
nhà của Giacóp.

Ngài sẽ dẫn lối chúng ta

và chúng ta sẽ đi trên nẻo đường Ngài chỉ".

Bởi vì luật Chúa được ban ra từ Sion,

và lời Chúa từ Giêrusalem.

Ngài sẽ làm trọng tài giữa các dân tộc,

là thủ lãnh của nhiều dân nước.

Họ sẽ biến grom thành lưới cày,
và lao thành liềm gặt hái.

Dân này sẽ không tuốt grom chống lại dân kia,
và người ta sẽ không còn tập dượt chiến tranh. (IS 2,2-

4)

Dân chúng đi trong đêm tối đã thấy một ánh sáng chói
lòa;

một ánh sáng rực lên chiếu soi những ai ở vùng tăm tối.

Ngài đã tặng nhân niềm hạnh phúc,

và làm cho họ tràn đầy hân hoan;

người ta hân hoan trước nhan Ngài như mừng ngày
mùa,

như khi chia nhau loài thú săn được.

Vì Ngài đập nát gông cùm, và ách đè nặng trên vai họ,

bẻ gãy gậy của kẻ áp bức,

như ngày đó ở Madian.

Và giày lính, áo giáp đầy máu,

sẽ quảng cáo lửa để bị thiêu đốt.

Vì một trẻ nhỏ đã sinh ra cho chúng ta,

một người con đã ban cho chúng ta;

Thiên Chúa đã đặt quyền bính trên vai đứa con đó

và người ta gọi người là:

"Nhà cố vấn đáng ca ngợi, Chúa uy quyền,

Cha đời đời, vua của hòa bình".

Nước người sẽ tràn lan,

cảnh thái bình sẽ vĩnh viễn ở trên ngai David

và trong vương quốc của người.

Người sẽ thiết lập nước Người
và sẽ cai trị bằng pháp luật và công chính,
từ bây giờ và đến mãi mãi.

Đó là việc Chúa của vũ trụ sẽ thực hiện. (IS 9,1-6)

Kỷ niệm về nguồn gốc của dân Israel cũng là một lý do để đem đến hy vọng: toàn đất hứa sẽ thuộc về Israel. Nhưng với một đòi hỏi này: đất đó thuộc về Chúa, là quà tặng của Chúa và quà đó đòi dân Israel phải đáp lễ. Họ phải tự hỏi xem họ làm gì về quà tặng đó của Chúa.

Chúa là Thiên Chúa người đã dẫn người đến một xứ lạ lùng, có suối nguồn nước chảy ra từ đất đá đến các đồng bằng, qua các ngọn núi. Đó là xứ đầy lúa mì và lúa mạch, nho, vả, lựu, ôliu, dầu và mật, xứ có bánh ăn đầy đủ người không hề thiếu chi, xứ mà người ta có thể lấy đá quặng để nấu ra sắt và sỏi đá nấu ra đồng. Người sẽ sung túc về thực phẩm và ca tụng Chúa tại ngay trong xứ lạ lùng Chúa ban cho người.

Người hãy coi chừng đừng quên Chúa là Thiên Chúa người bằng quên các điều răn của Chúa, tức là luật lệ mà ta cho các người biết ngày nay. Chớ nói với mình: "Nhờ vào chính sức tôi mà tôi có tất cả tài sản này". Hãy nhớ đến Chúa là Thiên Chúa người; chính Ngài ban cho người sức khỏe, tạo cho người giàu có vì Ngài tôn trọng lời Ngài đã hứa với tổ tiên người. (TL 8,7-11.17-18)

Chúa đã cho toàn dân đất đai. Vì thế người Israel không thể xem đất đó là của riêng. Các ngôn sứ thường hay nhắc nhở việc này; vì thế họ nhấn nhủ dân tôn trọng quyền của Chúa và quyền con người.

Chúa dạy thế này:

trong sa mạc

dân chúng đã thoát khỏi cảnh gươm đao tàn sát,
được an toàn, Israel sẽ được ngơi nghỉ,

Chúa hiện ra với họ và nói:

"Ta đã thương yêu người vô cùng,

và trung tín với người;

Ta sẽ định cư lại người

và Israel mà ta yêu mến sẽ xây dựng lại".

Người sẽ giống trồng và nhảy mừng hoan hỉ,

sẽ trồng lại nho trên các ngọn đồi Samaria,

và người trồng nho sẽ gặt hoa trái.

Một ngày nào đó trên các ngọn đồi Êphraim

các người canh gác sẽ kêu lên:

"Hãy đứng dậy, đi lên núi Sion

đến gần Chúa là Thiên Chúa chúng ta".

Này Chúa phán:

"Hãy ca lên vui mừng về phần phước của Giacóp,

hãy vỗ tay hỡi nước trên các nước!"

Hãy hết lòng ca tụng và lên tiếng:

"Chúa đã cứu dân người,

phần còn lại của Israel".

Này ta đưa những kẻ sống còn của nước phương Bắc,

và tập hợp họ từ bốn phương trời,
 họ có mặt tất cả ở đó, người mù, người què,
 đàn bà có thai và những kẻ đang thời sinh đẻ;
 một đoàn lũ đông đúc vô kể đến đây.

Họ ra đi trong nước mắt,

và ta ủi an họ trong bước đường đi,

Ta sẽ dẫn họ đến các suối nước,
 đi trên đường bằng phẳng để họ không vấp ngã.

Vì Ta là Cha của Israel, và Ephraim là con trưởng của
 Ta.

Hỡi các dân hãy nghe lời Chúa,

hãy làm cho lời ta vang vọng tới các đảo xa:

Đáng đã làm tản mác dân Israel sẽ tập trung dân lại,

Người chăn sóc nó như mục tử lo lắng cho đoàn thú
 mình.

Vì Chúa đã chuộc lại Giacóp

và đã cứu nó khỏi kẻ đàn áp đầy quyền uy.

Họ sẽ đến và hoan ca vui mừng trên núi Sion,

họ sẽ hưởng tất cả những gì Chúa ban cho họ:

lúa mì, rượu, dầu, cừu và bò;

họ sẽ giống như vườn được tưới nước thường xuyên,

và không bao giờ chết héo.

Bây giờ thanh nữ nhảy mừng

thanh niên và người già cũng sung sướng.

Ta chuyển nỗi buồn khổ của họ thành vui mừng;

Ta sẽ an ủi họ sau tất cả những nỗi thống khổ họ đã
 chịu. (Giêr. 31,2-13)

9. "Chúa cai trị"

Dần dà, các bộ tộc hợp nhau lại để làm thành một dân duy nhất. Kinh nghiệm họ đã sống qua rất giống nhau. Họ ý thức là chính Chúa đã dẫn dắt họ, cho họ đất đai và của cải. Dân tộc nay đã được gọi là Israel, nhận biết Thiên Chúa là vua.

Chúa là vua!
 Đất hãy vui lên,
 Các đảo nơi nơi hãy hân hoan!
 Một vàng mây tối bao quanh Người,
 công lý và luật pháp giữ vững ngai Người.
 Một ngọn lửa đi trước Người
 và nuốt hết kẻ chống đối Người.
 Ánh sáng của nó chiếu soi toàn cõi vũ trụ,
 đất trông thấy ánh sáng đó thì run sợ.
 Núi đồi rục xuống như đèn cầy
 gặp sức nóng trước Chúa của vũ trụ.
 Trời loạn báo công lý của Người,
 và mọi dân thấy vinh quang Người.
 Những kẻ phụng thờ thần tượng,
 và hãnh diện về bụt thần không đáng giá gì sẽ xấu hổ,
 vì mọi thần lực quỳ gối trước Thiên Chúa!
 Nghe tin này Sion hân hoan,
 và các thành của Giuđa nhảy mừng,
 vì các quyết định của Ngài, lạ Thiên Chúa.

Vì Chúa, Chúa là Thiên Chúa,
 Cao Vượt lên trên tất cả trái đất,
 quyền lực vô song vượt lên trên các bụt thần.
 Chúa yêu thương kẻ ghét điều gian ác,
 lo lắng cho kẻ trung tín với Ngài,
 cứu thoát họ khỏi bàn tay người bất chính.
 Ánh sáng soi cho kẻ công chính,
 và người có lòng ngay sẽ được hân hoan.
 Hỡi kẻ công chính, hãy vui lên trong Chúa,
 và ca tụng danh rất thánh của Ngài. (TV 97)

Israel càng ngày càng hiểu rõ hơn họ tạo thành một dân duy nhất. Khi thấy những dân tộc chung quanh có một vua làm thủ lãnh, một phần dân chúng Israel đòi cho có một vị vua chung cho họ. Những phần khác trong dân không đồng ý, vì những người này chỉ muốn nhìn nhận Chúa là vua, Chúa duy nhất của Israel.

Khi Samuel đã già, ông để cho các con điều khiển dân Israel. Người con trưởng tên là Gioen, và người con thứ là Abida; hai người làm thủ lãnh phân xử tại Bécxabê. Nhưng các con ông không theo gương ông. Chúng ham mê của cải giàu sang, nhận của hối lộ và không tôn trọng luật pháp. Tất cả chức sắc và trưởng lão của Israel họp lại và đến gặp Samuel ở Rama. Họ thưa với ông: "Ngài đã già và các con của ngài không theo gương ngài. Vậy xin ngài chọn cho

chúng tôi một vị vua để cai trị chúng tôi, như tất cả các nước khác".

Những lời nói đó không làm cho Samuel bằng lòng. Nhưng vì họ đã từng phát biểu: "Hãy cho chúng tôi một vị vua để cai trị chúng tôi", nên Samuel liền cầu xin Chúa. Chúa phán với ông:

"Con hãy nhận lời chúng, tất cả những gì chúng sẽ trình lên con. Không phải chúng ruồng rẫy con, nhưng chúng không muốn xem Ta là vua của chúng nữa. Họ đối xử với con như đã từng đối xử với Ta xưa nay từ ngày Ta đưa họ ra khỏi Ai Cập; họ bỏ Ta thờ các bụt thần ngoại quốc. Con hãy nhận lời đòi hỏi của họ, nhưng con hãy nói cho họ hay việc đó đồng thời cho họ biết quyền hành của vị vua sắp cai trị trên đầu trên cổ họ".

Dân chúng từ chối nghe lời trình bày của Samuel, họ nâng nặc đòi:

"Không, chúng tôi cần phải có một vị vua! Chúng tôi muốn như các nước khác. Vua của chúng tôi sẽ xử công minh, sẽ hướng dẫn chúng tôi và là vị chỉ huy trận mạc".

Samuel nghe tất cả những lời đó của dân chúng và thưa lại cùng Chúa. Nhưng Chúa nói với ông:

"Hãy nhận lời thỉnh cầu của họ và cho họ một vị vua".
(1S 8,1-9.19-22)

Những ý kiến trái nghịch về vương quyền tiếp tục chia rẽ dân chúng, ngay cả sau khi họ đã có một vị vua. Hơn nữa, sau khi Israel bị chia cắt thành hai vương quốc, vương quyền phía bắc và phía nam cũng sinh hoạt khác nhau. Những dị biệt đó càng biểu lộ rõ rệt nơi các vị vua quan trọng nhất của lịch sử dân Israel.

Các văn bản Kinh Thánh thích trình bày David như vị vua lý tưởng, một vị vua được chính Chúa đứng ra chọn lựa.

Chúa nói với Samuel: "Con hãy lấy dầu và lên đường, ta gọi con đến nhà Giếtxê ở Bêlem, vì Ta đã chọn một vị vua trong các đứa con nhà này".

Samuel thực hiện những gì Chúa phán dạy ông. Khi đến Bêlem, Samuel nói với các vị lãnh đạo trong thành phố: "Tôi đi dâng lễ tế cho Thiên Chúa; các ngươi hãy thanh tẩy để dự lễ và đến dâng lễ cùng ta". Samuel tự mình thanh tẩy cho Giếtxê và các con nhà này, mời họ dâng lễ vật. Khi họ đến nơi, Samuel thấy đứa con đầu thì tự nhủ: "Đây hẳn là người mà Chúa đã chọn".

Nhưng Chúa phán cùng ông: "Con đừng xem dáng dấp hay thân xác to lớn, vì Ta đã không chọn nó. Ý Chúa không

giống ý con người, vì con người thì nhìn vẻ bên ngoài, còn Chúa thì nhìn tận tâm can".

Giêtxê gọi con thứ và trình diện cho Samuel; Samuel lại nói: "Chúa cũng không chọn người này". Giêtxê trình diện đứa thứ ba, Samuel vẫn nói: "Cũng không phải người này". Giêtxê tuân tự gọi bảy đứa con mình ra trình diện Samuel, nhưng Samuel đều nói với ông: "Chúa không chọn đứa nào trong mấy đứa đó". Ông liền hỏi lại Giêtxê: "Ông chỉ có từng đó đứa con thôi à?" Giêtxê liền thưa: "Còn một đứa nhỏ nhất đang chôn thú ngoài đồng". Bảy giờ Samuel nói với Giêtxê: "Ông hãy tìm nó về; chúng ta khoan ăn, đợi khi đứa bé về đến đây".

Giêtxê cho người gọi đứa bé về; David là một đứa trẻ tóc hoe, mắt sáng đẹp, dáng dấp khôi ngô. Bảy giờ Chúa phán: "Này, phong nó làm vua; chính đứa bé đó". Samuel lấy dầu đổ trên đầu David để phong vua; sự việc xảy ra có mặt các anh của David. Từ ngày đó, thần khí Thiên Chúa đến với David. (1S 16,1.4-13)

Những bản văn Kinh Thánh cũng thuật lại một quan điểm khác. Chính David đã tìm mọi cách để làm vua. David bảy giờ là một chiến sĩ quy tụ chung quanh mình một đoàn lính đánh thuê. Đoàn quân này làm cho ông trở nên nổi danh, vì nhờ nó mà David đem lại nhiều chiến thắng.

Từ thời còn trẻ, David âm mưu liên kết với quân Philixitinh, quân này giúp ông rất nhiều. David đem theo 600 người đến gặp vua Akít, là vua xứ Gát. Hai bà vợ của ông cùng đi theo. Ông nói với Akít: "Nếu ngài bằng lòng xin cho tôi một nơi nào trong xứ để tôi định cư". Akít cho ông thành phố Xíclác. David đánh phá xứ này; ông không để cho mạng nào sống còn, đàn ông cũng như đàn bà; ông đoạt hết bò, lừa, lạc đà, áo quần; sau đó, ông trở lại gặp Akít. Bấy giờ Akít hỏi ông: "Hôm nay, người đánh phá ở đâu?"

David trả lời: "Ở phía nam Giuđa, hoặc ở phía nam Giêramêlít, hoặc ở phía nam Kê-nê".

Ông không để ai sống sót, đàn ông cũng như đàn bà, để khỏi đưa họ về Gát, sợ rằng người ta sẽ nói chống lại ông, tố cáo hành động của ông. Đó là cách thức hành động mà ông luôn xử sự khi trú ngụ tại xứ Philitinh. Akít tin tưởng vào David và tự nhủ: "Kiểu này nó sẽ làm cho dân nó ghét, và nó sẽ phục vụ ta mãi". (1S 27,2-12)

David học nghề đánh giặc của quân Philixitinh. Ông ta không phải lúc nào cũng phục vụ quân này, vì ông chia một phần chiến lợi phẩm lấy được cho dân Israel. Trong một trận đánh giữa quân Israel và quân Philitinh, Saun, bấy giờ là vua của Israel bị giết chết trên trận mạc. David còn ở Xíclác khi người ta cho ông hay tin này; ông liền làm một bài ai ca khóc cho vị vua đã chết.

Các thủ lĩnh của một vài bộ tộc tìm gặp David và chỉ định ông làm vua. Nhưng các bộ tộc khác lại chọn Itbaan. Một cuộc chiến lại bùng nổ giữa nam bắc và kéo dài nhiều năm. Cuộc chiến chấm dứt khi Itbaan bị ám sát chết trong lúc ông đang ngủ.

Bấy giờ, tất cả các bộ tộc đến gặp David ở Hêbron và thưa với ông: "Chúng tôi thuộc nhà ngài. Chúa đã phán với ngài: "Chính con là mục tử của dân ta và thủ lĩnh của Israel". Họ xúc dầu tôn vinh David làm vua trên mười hai thị tộc Israel.

David và những người theo ông tấn công Giêrusalem chống lại quân Giêbuxê đang chiếm vùng này. Ông chiếm được thành Sion, đóng quân trong thành, lập lấy kinh đô, lấy tên là "Thành của David". Khi quân Philixitinh hay biết David đã được tôn làm vua Israel, họ tập hợp nhau lại để đánh ông. David thưa cùng Chúa: "Con có cần tấn công quân Philixitinh không?"

Chúa phán: "Đánh đi, Ta sẽ trao quân Philitinh vào tay con".

David làm theo lời Chúa dạy, ông chiến thắng quân Philitinh và đánh đuổi họ về xứ. Nhờ vậy toàn xứ Canaan

thuộc quyền Israel như lời Chúa đã hứa cùng Abraham. (2S 5,1...25)

Cuộc đời David cho thấy có nhiều thiếu sót, yếu đuối. Nhưng người Israel vẫn muốn xem nơi các chiến công của vua như là chứng cứ nói lên việc Chúa thương dân Ngài. Những chiến thắng của vua được xem là một sự chúc lành của Thiên Chúa. Vì thế, ngôn sứ Natan đến gặp David, nhân danh Thiên Chúa hứa với ông rằng vương quyền sẽ luôn thuộc về gia đình ông, nơi giòng họ con cháu ông.

Vua ngụ ở trong cung. Chúa đẩy xa các kẻ thù bao vây quanh ông. David nói với ngôn sứ Natan: "Ông xem, tôi đang ở trong một căn nhà bằng gỗ bá hương, còn bia của Chúa lại đặt trong một căn lều!" Nhưng, đêm đó, lời Chúa phán cùng Natan: "Con hãy đi nói với tôi tớ Ta là David: Người định xây cho Ta một cái nhà để Ta có thể cư ngụ chẳng? Không phải người xây cho Ta. Chính Chúa sẽ làm cho người một ngôi nhà. Nhà đó sẽ xây bằng những viên đá sống động, đó chính là hậu duệ người. Việc xảy ra thế này: Khi người không còn sống nữa, một trong các con người sẽ làm vua thay chỗ người. Chính người đó sẽ xây cho Ta một căn nhà. Ta sẽ là Cha của người đó và người đó sẽ là con Ta. Nếu vị vua tương lai làm quấy, Ta sẽ trừng phạt. Nhưng Ta sẽ luôn ở bên cạnh ông ta".

Sau đó Chúa sai Natan đến nói với David: "Nhà của ngươi và vương quốc của ngươi sẽ luôn ở trước nhan Ta. Vương quyền ngươi sẽ mãi mãi tồn tại". David đến với Chúa và thưa cùng Ngài: "Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, lời Chúa chính là sự thật. Chúa đã ban cho tôi tớ Chúa lời hứa trọng đại. Xin hãy chúc lành gia đình tôi tớ Chúa để nó mãi tồn tại nhờ vào sự nâng đỡ của Ngài. Nhờ Ngài chúc lành, nhà của tôi tớ Ngài muôn đời bền vững". (2S 7,1...29)

David có thể được xem là một nhà chính trị lớn. Ông đã thống nhất được các thị tộc phương bắc với các thị tộc phương nam. Ông đã chiếm được Giêrusalem và chọn nơi ấy làm chốn cư ngụ.

Vào thời ông, những xứ lân cận, thường rất mạnh nhưng nay gặp phải lúc suy yếu, xuống dốc. David lợi dụng hoàn cảnh đó để bành trướng vương quốc của mình. Ông bắt các thành nhỏ xứ Canaan qui phục, mỗi thành trở nên một tiểu bang. Ông cũng biến các xứ nhỏ lân cận thành những vùng trực thuộc như thế.

Theo tập tục của người đông phương, David có nhiều vợ. Ông có nhiều con, chúng tranh nhau quyền thừa kế vương quyền của cha. Ngôi vua mà Salômôn chiếm được là nhờ vào mưu kế của bà mẹ.

Sau khi David qua đời, Salômôn trở thành vua Israel. Ông từ Giêrusalem đến Gabaôn để dâng của lễ tại đây, vì đây là thánh địa chính. Đêm đến, Chúa hiện ra với ông và phán: "Con hãy xin những gì con muốn".

Salômôn thưa lại: "Lạy Chúa là Thiên Chúa, chính Chúa đã làm cho tôi trở thành vua thay cho cha con là David. Con đây, tuổi còn trẻ, con không biết xử sự như một vị thủ lãnh. Nếu Ngài muốn, xin Ngài ban cho tôi trở thành khôn ngoan để có thể cai trị dân Ngài và biết được điều phải, điều trái".

Lời cầu xin đó đẹp lòng Thiên Chúa và Ngài phán với Salômôn: "Con đã không xin được sống lâu, giàu có cũng như tận diệt kẻ thù, nhưng con xin sự khôn ngoan để cai trị; vì thế Ta sẽ thực hiện điều con mong ước. Nay Ta ban cho con khôn ngoan và thông minh, không ai trước hay sau con có thể ví với con. Nhưng Ta còn cho con điều con không xin: sự giàu có và vinh quang. Và nếu con trung thành với những điều răn và luật lệ của Ta, Ta sẽ ban cho con được sống lâu".

Salômôn tỉnh dậy và biết rằng Chúa đã phán với ông trong giấc mộng. Ông liền đến trước bia của Chúa để dâng một lễ vật toàn thiêu.

Chúa ban cho Salômôn khôn ngoan và thông minh lạ thường. Ông là người khôn ngoan hơn mọi người. Từ khắp các nước, người ta đến để ngưỡng mộ sự khôn ngoan của Salômôn. Khi hoàng hậu Saba nghe nói đến Salômôn, bà lên đường tìm đến vua để đưa ra những câu hỏi khó trả lời. Bà đến Giêrusalem đem theo đoàn lạc đà chở đầy hương, vàng và đá quý. Bà triều yết Salômôn và nêu ra nhiều câu hỏi thật khó. Vua trả lời được tất cả chất vấn của bà. Khi bà thấy được sự khôn ngoan của Salômôn, bà rất cảm kích và ngưỡng mộ. Bà thưa cùng vua: "Những gì trong xứ tôi người ta nói về sự hiểu biết và khôn ngoan của ngài đều đúng sự thật. Trước khi đến đây tôi không muốn tin, nên muốn đến tận nơi để xác minh. Đúng thật, sự khôn ngoan và giàu có của ngài vượt lên trên những gì người ta nói với tôi. Chúc tụng Chúa, là Thiên Chúa của ngài đã ban cho ngài làm vua". Bà dâng cho vua rất nhiều vàng, hương và đá quý. Về phần mình, Salômôn đáp lễ, biếu bà những gì bà xin và còn nhiều hơn thế nữa. Sau đó hoàng hậu lên đường trở về xứ. (1 CV 3,4...15; 5,9-14; 10,1...13)

Salômôn tiếp tục công trình của cha, nhưng vua không bảo vệ được hết cả biên thùy của vương quốc, một số nơi đã bị mất. Sự việc đó xảy ra mặc dầu vua đã đặt nhiều đồn canh và trang bị quân đội bằng những chiến xa Ai Cập. Vua Salômôn lưu ý đến nghệ thuật. Ông muốn biến Giêrusalem thành một kinh đô lớn, một kinh đô "lát vàng". Vua cho xây một Đền Thờ lộng lẫy và một vương cung xa hoa lạ thường.

Hiram, vua của thành Tia, là kẻ thù truyền kiếp của David. Salômôn gởi cho ông sứ điệp này: "Ông biết là David, cha tôi, đã không thể xây một ngôi nhà để tôn vinh Thiên Chúa. Bây giờ, Chúa đã ban cho tôi hòa bình trong xứ. Tôi quyết định xây một ngôi nhà như Chúa đã từng phán cùng David cha tôi: "Chính con người, người mà ta đặt lên ngôi thay người sẽ xây cho ta một ngôi nhà". Vậy người hãy ra lệnh đốn cây bá hương vùng Libăng đến cho ta. Thợ thầy của ta sẽ làm việc chung với thợ thầy nhà người".

Vua Hiram vui sướng khi nhận sứ điệp này và liền trả lời: "Tôi sẽ thi hành điều ngài muốn. Tôi muốn cung cấp tất cả gỗ bá hương và gỗ trắc mà ngài cần. Thần dân tôi sẽ chở gỗ từ các núi Libăng xuống biển, rồi chuyển bằng bè đến nơi ngài chỉ định để lấy. Đổi lại, xin ngài cung cấp lương thực để nuôi người trong vương cung của tôi".

Salômôn hằng năm cung cấp cho Hiram nhiều lúa mì và dầu ăn. Giữa Salômôn và Hiram hòa bình được tái lập và họ ký kết giao ước với nhau. (1 CV 5,15...26)

Công trình xây nền móng cho Đền Thánh mất bốn năm. và Đền Thánh được xây xong trong bảy năm. Đền Thánh Chúa là một kiến trúc huy hoàng, có sân trong, sân ngoài, một lối đi vào và một phòng lớn. Phần chính của Đền Thánh, phòng trong cùng là nơi có Chúa hiện diện, nơi cực thánh,

được trang bị chu đáo. Các bức vách phủ bằng gỗ giáng hương mạ vàng. Nơi đây không trở cửa sổ và là nơi đặt hòm bia giao ước.

Salômôn triệu tập cả thủ lãnh Israel, các trưởng thị tộc và người chủ các gia tộc Israel về Giêrusalem. Các thầy cả mang hòm bia giao ước ở trong lều hội trước sự chứng kiến của mọi người và đưa về Đền Thánh với tất cả đồ thánh mang theo. Họ đặt hòm bia vào nơi đã được sắp đặt trước tức là nơi cực thánh. Hòm bia chỉ chứa đựng hai bảng đá ghi khắc luật. Khi các thầy cả đi ra khỏi nơi cực thánh, vinh quang Thiên Chúa bao phủ Đền Thánh qua hình ảnh các đám mây. Bây giờ Salômôn lên tiếng:

"Chúa đã đặt mặt trời trên không trung,
nhưng Ngài đã quyết định sống trong bóng tối.

Còn con, con đã xây cho Ngài Vương Cung Thánh Điện,
một Đền Thánh để Ngài có thể cư ngụ muôn đời!"

Sau đó Salômôn đến gần bàn thờ Chúa, quay mặt lại dân Israel đang tụ họp. Ông giang tay lên trời và cầu nguyện: "Lạy Chúa, Thiên Chúa của Israel, không có chúa nào ví được với Ngài, từ trời cao cho đến trên trái đất, Ngài là Đấng trung thành với lời giao ước tốt lành cùng các tôi tớ Ngài. Ngài đã giữ lời hứa xưa nói với David là cha tôi, tôi tớ Ngài: "Con sẽ luôn có một kẻ nối nghiệp gìn giữ ngài của Israel

trước nhan Ta, nếu các con người trung tín như người". Nếu trời cao không đủ lớn để chứa Ngài, thì nhà con xây đây đâu đủ để Ngài cư ngụ! Xin Ngài luôn ghé mắt nhìn đến nhà này, nơi mà Ngài đã nói là Ngài sẽ cư ngụ. Xin hãy lắng nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và dân Ngài, khi họ đến nơi đây cầu nguyện". (1 CV 6,14...30; 8,1...30)

Nhờ xây Đền Thánh, Salômôn lại càng nổi danh. Nhưng cũng vì thế ông rước vào mình nhiều kẻ thù, Salômôn đã không những bắt người ngoại quốc cư ngụ trong nước làm việc bó buộc này, nhưng cũng buộc dân của chính xứ ông phải làm.

Dân Israel trung tín thì phần nộ khi thấy vua cho phép cúng vái bụt thần ngoại quốc, khác với Thiên Chúa Israel. Họ thấy rằng dần dà dân quên Chúa và những sự việc lớn lao Ngài đã can thiệp cho dân trong quá khứ.

Vì thế kẻ trung tín trong dân Israel xem các biến cố vào những năm cuối triều đại Salômôn như là một hình phạt của Chúa.

Thiên Chúa cho thời hòa bình chấm dứt để phạt sự bất trung của Salômôn. Các kẻ thù từng bị David đánh bại nay bắt đầu nổi dậy. Nhưng kẻ thù nguy hiểm nhất là Giêrôbôm, một con người thông minh, có nghị lực từng được Salômôn ủy thác việc triều chính. Một ngày nọ, Giêrôbôm gặp ngôn

sứ Ahida. Vị này cởi áo khoác mới mang trên mình và xé làm mười hai mảnh. Đoạn ông nói với Giêrôbôam: "Hãy lấy mười mảnh áo, vì Chúa là Thiên Chúa Israel phán bảo thế này: "Ta sắp cất vương quốc khỏi tay Salômôn, và cho người mười thị tộc. Vì vua đã bỏ Ta không giữ điều răn Ta. Người sẽ là vua Israel. Nếu người giữ các điều răn của Ta và các luật lệ của Ta như tôi tớ Ta là David, Ta sẽ ở với người".

Salômôn tìm cách thủ tiêu Giêrôbôam; nhưng ông này đi đến xứ Ai cập và ở đó cho đến khi Salômôn từ trần. (1 CV 11,14...40)

Sau khi Salômôn băng hà, các bộ tộc phương bắc lại phân ly với các bộ tộc phương nam và cho Giêrôbôam làm vua. Từ buổi đó, có hai vương quốc: vương quốc Israel phương bắc và Giuđa phương nam.

Nhiều thế kỷ sau, nước Átxiria được một vị vua hùng cường cai trị, vị vua này đã làm cho vương quốc ông thành một đế quốc lớn. Ông bắt đầu làm chủ các vương quốc nhỏ, buộc họ phải trả thuế và quân dịch. Sau đó ông tìm cách chiếm luôn các xứ này để bành trướng đế quốc của mình. Do vậy ông đã tấn công các vương quốc Giuđa và Israel. Tuy nhiên, nếu vương quốc Israel bị thua, thì quân Átxiria lại không thể lấy được vương quốc Giuđa và thành Giêrusalem.

Vua Átxiria cuối cùng chiếm được thành Samaria sau ba năm vây thành. Vua đày dân Israel về xứ của ông và tập trung họ tại Halát, trên bờ sông Habô, một con sông thuộc vùng Gôdân, và tại các thành phố của người Mêđét.

Vua đem dân cư Babilon và các thành phố Átxiria khác đến định cư tại các thành phố Samaria thay vào chỗ của dân Israel. dân này chiếm xứ Samaria và định cư nơi các thành mới chiếm. (2 CV 17,5-6.24)

Vua Átxiria chỉ còn việc chiếm xứ Giuđa mặc dầu các vua xứ Giuđa đã nạp thuế cho vua. Một trong các vị vua đó là Êdêkia. Dân của vương quốc này (các vị viết sách Thứ Luật) coi ông là một vị vua đạo hạnh. Họ kể chuyện vua đã từng chấm dứt việc thờ phụng bụt thần ngoại quốc.

Bây giờ Êdêkia, con của Acát được chọn làm vua xứ Giuđa. Ông lên ngôi khi hai mươi lăm tuổi và triều đại ông trị vì tại Giêrusalem trong 29 năm. Ông cho lệnh triệt hạ các nơi thờ cúng bụt thần ngoại quốc, đập bể các bình dùng vào việc thờ tự và phá con rắn bằng đồng. Ông tin tưởng vào Chúa, Thiên Chúa Israel, hơn tất cả các vua Israel trước đây và sau này. Ông hoàn toàn dựa vào Thiên Chúa đã ban cho Môisen. Vì thế Chúa ở với tôi và cho ông thành đạt kết quả các việc ông làm. Ông chống lại vua Átxiria và không còn phục lụy vua này nữa. (2 CV 18,2-7)

Êdêkia chuẩn bị chống lại vua Átxiria. Kế đó bất thành và Êdêkia lại phải phục tùng.

Xenakêríp, vua Átxiria tấn công tất cả các thành trì của Giuđa và chiếm đóng. Bấy giờ Êdêkia vua của xứ Giuđa cho người đến thưa với vua Átxiria đang ở trong thành Lakít: "Tôi có lỗi. Xin hãy ngưng tấn công, tôi sẽ nạp những gì vua đòi". Vua Átxiria buộc Êdêkia, vua xứ Giuđa, phải nạp 9,000 kilô bạc và 900 kilô vàng. Êdêkia nạp tất cả bạc có được trong Đền Thánh cũng như trong ngân khố của vương cung. Êdêkia cũng cho gỡ hết tất cả vàng vua đã cho dát trên cửa và trao hết cho vua Átxiria. (2 CV 18,13-16)

Cuộc nổi dậy của Êdêkia và các đồng minh của ông bất thành nên vua Átxiria chiếm hết lãnh thổ Giuđa; chỉ có thành Giêrusalem cầm cự, vua Átxiria buộc lòng phải rút lui không lấy được thành.

Tuy thế, một số bản văn Kinh Thánh lên án Êdêkia. Ngôn sứ Isaia đặc biệt đã trách vua về đường lối chính trị liên minh. Ngôn sứ khẩn khoản xin vua đừng tin vào các liên minh với người ta, vì sự sống còn của vương quốc chỉ tùy thuộc vào Thiên Chúa; nhà vua phải hoàn toàn phó thác cho Ngài. Israel đã chỉ trích đường lối cai trị của Êdêkia vì đã tin vào sự trợ giúp của con người.

Bấy giờ Isaia nói với Êdêkia: "Xin hãy nghe lời Chúa phán đây. Sẽ có ngày những gì ở trong vương cung của ngươi, những gì tổ tiên ngươi đã thu góp cho đến nay, tất cả sẽ bị đưa về Babylon. Sẽ không còn lại gì cả, Chúa phán như thế. Người ta còn đày ngay cả nhiều người trong các con trai ngươi để làm tôi đòi ở cung vua xứ Babylon". (2 CV 20,16-18)

Hậu duệ cuối cùng của vua David còn cai trị trên ngai ở Giêrusalem là Cêdêxiát. Vào thời ông, Giêrusalem bị chiếm đóng. Vị vua chỉ huy quân đội Babylon thời bấy giờ là Nabucôđônôđô. Ông đày các thủ lĩnh xứ Giuđa và gia quyến họ về Babylon. Ông buộc vua Cêdêxiát phải tuân phục.

Dẫu vậy, Cêdêxiát vẫn tìm đồng minh để âm thầm chống lại vua xứ babylon. Ông đặt niềm tin vào sự giúp đỡ của Ai Cập.

Nhưng ngôn sứ Giêrêmia cảnh cáo Cêdêxiát.

Này, Chúa phán với tôi thế này:

"Ta nói cho Cêdêxiát, vua xứ Giuđa:

"Hãy khom mình chịu cùm gông của vua Babylon.

hãy làm tôi vua đó cũng như dân của vua này

thì ngươi sẽ sống còn.

Tại sao ngươi muốn chết,

ngươi cũng như dân ngươi,

bởi grom giáo, đói khát và dịch bệnh,
 như Chúa đã từng đe dọa,
 khi dân từ chối phục tùng vua Babylon?
 Các ngươi đừng nghe các ngôn sứ nói với các ngươi:
 "Các ngươi không nên thần phục vua Babylon",
 vì họ loan báo một điều dối trá;
 Chúa phán, ta đã không gọi họ đến;
 họ lấy danh ta loan báo những điều dối trá.
 Ta sẽ bỏ các ngươi nếu các ngươi nghe theo họ,
 và các ngươi sẽ bị chết, cùng với các ngôn sứ của các
 ngươi!" (Giêr 27,12-15)

Những lo ngại của ngôn sứ Isaia nay xảy đến: Vua Babylon đưa quân đến và vây thành Giêrusalem.

Cêđêxiát chống lại vua Babylon. Nabucôđônôđô đem tất cả quân đội hướng về Giêrusalem để hãm thành. Ông cho xây các đồn tháp dùng để tấn công chung quanh thành. Khi dân trong thành không còn gì ăn nữa, họ chịu phải nạn đói. Bấy giờ người ta mở một đường máu trong tường thành, vua và tất cả quân bảo vệ thành chạy trốn ban đêm bằng cửa nhỏ cạnh các vườn trong cung, bên ngoài quân Babylon vẫn vây hãm. Họ chạy về hướng thung lũng sông Giócđăng. Quân đội Babylon đuổi theo vua và bắt được ông trong thung lũng Giêricô. Quân ngũ của vua chạy tán loạn và bỏ mặc vua. Quân Babylon bắt vua dẫn về Ripla để vua Babylon bấy giờ ở đó phân xử. Vua này ra lệnh giết các con của Cêđêxiát

trước mắt cha chúng, sau đó đục mắt Cêđêxiát và trói dẫn về Babylon. (2 CV 25,1-7)

Và thành Giêrusalem trải qua thời cuối cùng bị thảm.

Tướng cận vệ của vua Babylon vào thành Giêrusalem và đốt Đền Thánh Chúa, vương cung và các ngôi nhà lớn. Theo lệnh tướng này, quân lính Babylon phá tường thành Giêrusalem. Những người còn ở lại trong thành, những kẻ đào ngũ đầu hàng vua Babylon đều bị đày về Babylon. Chỉ còn một số dân nghèo như người trồng nho và nông dân được phép ở lại. (2 CV 25,8-12)

Thế là vương quốc Giuđa biến mất. Nhưng Israel như là dân Chúa vẫn tiếp tục tồn tại dẫu bị buộc phải sống cảnh lưu đày và tản mác trong các dân tộc khác. Họ sống còn nhờ vào niềm trông cậy này: Chỉ có Chúa điều hành lịch sử dân chúng và con người; chính Ngài là Chúa của lịch sử; ngày nào Israel còn đặt niềm tin vào Chúa, họ sẽ còn sống.

Lạy Chúa tôi, quân ngoại quốc đã chiếm cứ đất Ngài,
 họ làm ô uế Đền Thánh Ngài,
 họ đã biến Giêrusalem thành đồng gạch vụn,
 họ đã để chim kên ăn xác tôi tó Ngài,
 và để thú hoang ăn thịt kẻ trung tín với Ngài,
 Họ đã đổ máu con cái Ngài,
 như xối nước chung quanh thành Giêrusalem,

và không ai chôn cất xác chết.

Chúng con bị người chung quanh nhục mạ,
các dân tộc cận kề xỉ vả.

lạy Chúa, Chúa còn giận chúng con đến bao giờ?
Cơn ghen tương của Chúa bùng lên như lửa
sẽ cháy đến bao giờ?

Xin hãy đổ dồn cơn thịnh nộ
lên các dân tộc không nhận biết Chúa,
chống lại các vương quốc không cầu xin Ngài
vì chính họ đã triệt hạ Giacóp và đất đai của nó.
Xin đừng trách chúng con vì lỗi của cha ông chúng con,
nhưng xin mau đến với chúng con,
đang bị nghiền nát, vì Ngài thương chúng con.
lạy Chúa là Đấng cứu độ chúng con,
xin vì chính danh dự của Ngài mà giúp chúng con,
xin cứu thoát chúng con và tha tội chúng con
vì chính uy danh Ngài.

Xin đừng để người ngoại quốc có thể nói:
"Nay Chúa họ đang làm gì?"

Xin cho họ thấy ngay trước mắt chúng con,
bằng cách nào Chúa trả thù cho máu tôi tớ Chúa đổ ra.
Ước gì tiếng kêu của kẻ tù tội thấu đến Ngài,
xin cánh tay uy dũng của Ngài cứu những ai đang bị án
phải chết.

Ước gì người cận kề chúng con trả giá bảy lần hơn
về lăng nhục họ đã phạm đến Chúa, lạy Chúa.
Và chúng con, dân của Chúa, chiên của Ngài,

chúng con sẽ muôn đời ca hát lời cảm tạ,
và không ngừng truyền tụng vinh danh Ngài. (TV 79,
1-13)

10. "Hãy tìm kiếm Ta và các ngươi sẽ được sống"

Ngay từ những thế kỷ đầu việc nước được đem thảo luận trong dân Israel. Có những đàn ông, đàn bà, phía bắc cũng như phía nam của xứ này, có thể giúp ý vua khi vua có những quyết định quan trọng. Họ can ngăn vua khi họ nghĩ là vua sai lầm. Họ có can đảm để nói trực tiếp về lỗi lầm của nhà vua.

Người ta gọi các ông các bà này là "ngôn sứ". Họ tự giới thiệu mình là phát ngôn của Thiên Chúa. Không phải họ tự ý mình mà nói, nhưng bởi vì Chúa đã bảo họ. Một vài vị ngôn sứ giải thích cho hay bằng cách nào Chúa đã gọi họ để lên tiếng nhân danh Ngài. Chẳng hạn như bản văn được ngôn sứ Isaia viết lại vào khoảng năm 700 trước Chúa Giêsu Kitô.

Vào năm vua Ôdiát băng hà, tôi đã thấy Chúa trong một kiến thị. Ngài ngồi trên ngai rất cao và các vạt áo Ngài phủ lên Đền Thánh. Các thiên thần Sêraphim đứng cạnh Ngài. Họ hát vang cùng nhau những lời này: "Thánh, thánh, thánh, Chúa là Chúa vũ trụ, toàn thể trái đất đầy vinh quang Ngài!"

Nghe tiếng đó các cánh cửa rung chuyển và tòa nhà phủ đầy khói. Tôi thưa: "Khốn cho tôi! Tôi chết mất thôi, vì tôi là một người môi miệng dơ bẩn, tôi ở giữa một dân tộc có môi miệng dơ bẩn, và mắt tôi đã thấy vua, Chúa của vũ trụ".

Một trong các thiên thần Sêraphim bay đến phía tôi, lấy than lửa ở bàn thờ kẹp bỏ vào môi tôi và nói: "Này, lửa này đã đụng đến môi ngươi; miệng ngươi không còn ô uế, tội ngươi được xóa sạch".

Tôi liền nghe tiếng Chúa phán cùng tôi: "Ta sẽ sai ai? Ai sẽ là sứ giả của Ta?"

Tôi thưa: "Con đây, Ngài có thể sai con". (IS 6,1-8)

Trong bản văn này Isaia nhận rằng mình không đáng là ngôn sứ. Có khoảng cách quá lớn giữa Thiên Chúa và con người! Chính Chúa làm cho khoảng cách đó không còn và cho ngôn sứ có quyền nói thay Ngài.

Các ngôn sứ phải hết sức can đảm, nhất là khi phải tố giác những điều chướng tai cho chính vua nghe. Như ngôn sứ Natan đã phải lên án vua David sau khi vua ngoại tình với Bétxabê và cho ám sát Uri. Như ngôn sứ Êlia hoàn thành sứ mạng đặc biệt khó khăn khi đối đầu với Asát.

Nabôt thuộc nhà Gítreen có một vườn nho, cạnh vương cung Asát, vua xứ Samaria. Asát đề nghị với Nabôt: "Hãy

để lại cho ta vườn nho của người để ta biến nó thành vườn cây ăn trái của ta, phải chăng nó ở cạnh vương cung của ta; ta sẽ đổi cho người một vườn nho tốt hơn hoặc nếu người muốn ta trả tiền đúng theo giá của nó".

Nhưng Nabót nói với Asát: "Vì Chúa ngăn không cho tôi trao cho ai cơ nghiệp tôi đã lãnh nhận từ tổ tiên tôi!"

Asát trở về cung, bực tức vì Nabót nhà Gítreen đã từ chối trao cho ông mảnh vườn, là gia nghiệp của tổ tiên ông ta. Ông đi nằm, quay mặt vào tường và không màng ăn uống gì. Vợ vua là Gêdaben đến cạnh vua và thưa: "Sao ngài có vẻ bực tức và không muốn ăn uống gì cả?"

Asát kể cho vợ nghe chuyện đã xảy ra. Bấy giờ Gêdaben liền bàn: "Phải chăng ngài là vua của Israel! Xin ngài đứng dậy dùng bữa và cứ yên tâm. Thiếp sẽ có cách lấy vườn nho của Nabót cho ngài".

Gêdaben liền thay mặt Asát viết thư, đóng triện nhà vua. Bà gửi thư này cho các thủ lĩnh và đầu mục thành phố nơi Nabót cư ngụ. Bà viết thế này: "Các người tổ chức một buổi lễ ăn chay và yêu cầu Nabót trình diện trước mọi người. Các ông đưa hai tên vô loại đến đối diện với ông ta để tố cáo Nabót như sau: "Nhà người nhục mạ Thiên Chúa và nhà vua!" Các ông dẫn hắn ta ra ngoài và đòi đá cho chết".

Các thủ lĩnh và đầu mục thành phố tuân theo chỉ thị của Gêdaben đã viết trong thư gửi đến họ. Sau đó họ báo cho Gêdaben: "Nabôt đã bị ném đá chết rồi".

Khi Gêdaben hay tin Nabôt đã chết liền thưa với Asát: "Ngôi dậy đi. Ngài có thể làm chủ vườn nho của Nabôt rồi đó, vì Nabôt không còn sống nữa, hẳn đã chết rồi".

Asát chỗi dậy đến vườn nho của Nabôt để làm chủ. Bấy giờ Êlia, từ Tícbê, nhận lệnh của Chúa: "Người hãy đi gặp Asát, vua của Israel đang ở Samaria. Vua đang đến dành vườn nho của Nabôt. Người nói với vua điều này: "Này Chúa phán: Ngay nơi mà chó đang liếm máu của Nabôt, thì cũng nơi đó chó sẽ liếm chính máu người".

Asát nói lại với Êlia: "Nhà người lại tìm ta, người là kẻ thù của ta!"

Êlia trả lời: "Tôi tìm ngài vì ngài gian ác; ngài đã xử sự trái với ý Chúa. Vì thế tôi sẽ gọi hoạn nạn đến trên ngài. Ngài sẽ không có con nối dòng; tôi sẽ làm cho toàn nhà ngài không ai sống sót. Vì ngài làm tôi phải nổi giận và đã đẩy đưa Israel vào đường tội lỗi, tôi sẽ xử đối với gia đình ngài như đã từng xử đối với gia đình Giêrôbôam, con của Nêbát, và gia đình Bátxa, con Abida. Mọi người trong nhà Asát chết trong thành thì bị chó ăn, chết ngoài đồng thì chim rĩa. Và

đây là lời Chúa báo cho Gêdaben: "Chó sẽ xé xác Gêdaben gần tường nhà Gít-rêen".

Khi Asát nghe những lời dọa nạt đó, thì liền xé áo mình ra, mặc bao vải lên mình và ăn chay. Ông mang bao vải đó mà ngủ. Ông đi đứng chậm rãi. Bấy giờ Chúa nói với Êlia xư Tích-bê: "Nhà ngươi có thấy Asát hạ mình đối với Ta không? Vì nó tỏ ra khiêm tốn, Ta sẽ không gieo họa trong những ngày nó còn sống. Đến thời con nó Ta sẽ đổ họa nạn xuống nhà nó". (2 CV 21,1-29)

Sứ điệp của một ngôn sứ đã được chép lại. Những ngôn sứ này không phải chỉ nói với vua, mà còn nói với toàn dân. Họ hay loan báo những họa nạn như là kết quả của cuộc sống đồi trụy của người ta. Các ngôn sứ có sứ mạng lưu ý người thành tín khi các giới răn của Chúa không còn được người ta tôn trọng. Các ngài tố cáo sự thiếu tin tưởng, bất công và dối trá.

Ngôn sứ Amót (năm 750 trước Chúa Giêsu Kitô) sống vào một thời thái hòa của dân Israel, giàu có và an bình. Nhưng sự giàu có và an cư đã được chia sẻ một cách công bằng. Theo lời Chúa dạy, Amót lên tiếng bênh vực người nghèo. Ông cho hay những kẻ tạo ra sự nghèo khổ này sẽ bị phạt.

Khốn cho những ai thay đổi các luật pháp

và biến chúng thành cay nghiệt như dấm đắng,
 những ai chà đạp công lý xuống đất.
 Chúng ghét bỏ những người đề cao pháp luật ở tòa án,
 chúng không ưa người nói sự thật.
 Vì các người áp bức kẻ yếu hèn,
 và vì các người bắt họ phải chịu thuế đánh vào lúa mì,
 các người sẽ không cư ngụ được nơi căn nhà
 mà các người từng xây bằng đá tảng,
 các người sẽ không uống được rượu
 của vườn nho các người trồng.
 ta biết tội các người
 và vô số lỗi các người phạm.
 các người đầy đọa trẻ thơ trong cảnh khốn cùng,
 các người tham lam,
 coi rẽ quyền lợi của kẻ nghèo trước tòa án
 (và vì thế ai khôn hồn thì đành câm nín,
 vì biết rằng nói lên lúc này là nguy hiểm).
 Các người hãy làm việc thiện, tránh việc ác,
 và các người sẽ được sống,
 và Chúa là Thiên Chúa sẽ ở với các người.
 Hãy bỏ điều gian ác, hãy yêu việc thiện,
 hãy làm cho công lý hiện diện nơi tòa án.
 Như thế có thể Chúa là Thiên Chúa của toàn vũ trụ
 sẽ thương tình số còn lại của hậu duệ nhà Giuse? (Am
 5,7.10-15)

Khốn cho ai sống thoải mái ở Sion,

sống an nhiên tự tại trên núi Samaria.
 Khốn cho các đầu mục của dân trên các dân,
 các kẻ đứng ra phải làm gương cho dân Israel.
 Chúng nằm trên giường ngà,
 sỏi bụng trên các ghế dài sang trọng,
 ăn thịt cừ hảo hạng
 và bò tơ béo bắt trong chuồng;
 các người ngâm nga đàn ca xướng hát,
 bày đủ thứ dụng cụ âm nhạc như David,
 các người uống rượu trong bình thật lớn,
 xúc đủ loại nước hoa,
 mà không lo đến vận mạng của dân ta!
 Vì thế các người sẽ thấy
 tại sao các người là những kẻ đầu tiên bị đi đày ải,
 cuộc vui của kẻ ươn hèn chấm dứt!
 Chúa là Thiên Chúa đã thề là sẽ làm điều đó,
 Chúa là Chúa vũ trụ đã phán ra;
 Ta ghê tởm cảnh xa hoa của Giacóp,
 Ta ghét bỏ các lầu đài của nó,
 và Ta sẽ trao vào tay quân thù thành phố và của cải
 trong đó. (Am 6,1.4-8)

Các người hãy nghe lời ta nói đây, các người là những
 người đàn áp kẻ nghèo và muốn những kẻ bé nhỏ trong xứ
 phải bị tiêu diệt. Các người nói: "Mong sao các ngày lễ đầu
 tuần trăng qua đi để chúng ta có thể bán lúa mì, và mong sao
 ngày lễ Sabát sớm chấm dứt để chúng ta có thể mở kho lúa!

Chúng ta có thể sửa đầu đo, tăng giá và cân sai. Và như thế là có thể mua đứt người nghèo bằng tiền, và đổi kẻ khốn cùng với giá một đôi dép; chúng ta có thể bán đến tận hạt trấu cũng không thừa". Chúa thì sẽ không bao giờ quên việc các người làm. (Am 8,4-7)

Sứ điệp của Amót thật rõ ràng: Chúa không chấp nhận việc luật pháp và công lý bị chà đạp. Ai bất tuân giới răn Chúa sẽ bị Chúa phán xét. Amót cảnh cáo rõ ràng: Không ai có thể thoát khỏi việc phán xét này. Hình phạt của Thiên Chúa xem ra không thể tránh được. Nay đây Chúa cho tôi thấy một thị kiến: Tôi đã thấy một giỏ đựng đầy trái cây chín. Ngài bảo tôi: "Amót, người thấy gì?" Tôi liền thưa: "Một giỏ đầy trái chín". Bấy giờ Chúa phán cùng tôi: "Dân Ta đã chín mùi, giờ đã đến; bây giờ Ta không tha cho chúng nữa. Ngày đó các kỹ nữ ca hát sẽ than khóc, lời Chúa phán như thế. Xác chết chất đầy, và khắp nơi đều xảy ra như thế. Bấy giờ chỉ còn thình lạng mà thôi!" (Am 8,1-3)

Sứ ngôn Isaia cũng từng tố cáo bất công và cho hay về việc Chúa đe dọa phán xét. Ông lên án những tầng lớp cai trị.

Hỡi dân ta,
những kẻ cai trị người đang nghiền nát người,
những thứ tham lam đang thống trị người.
Hỡi dân ta, các thủ lĩnh người làm người lầm lạc,

và dẫn người trên nẻo đường sai trái.

Chúa sẽ đích thân xét xử dân Ngài,

Ngài sẽ lên tiếng kết án nó.

Chúa kết án xử

những người cai trị và vua chúa của dân Ngài:

"Chính các người đã phá vườn nho Ta,

và nhà các người chất đầy

của cải các người đã ăn cắp người nghèo.

Các người lấy quyền gì chà đạp dân Ta,

và dám nghiền nát người nghèo?"

Đó là lời Chúa, Thiên Chúa toàn vũ trụ. (Is 3,12-15)

Chúa từ chối lễ vật và kinh nguyện của dân Ngài, vì người ta không sống chung được với nhau và bất công gia tăng tràn ngập. Thờ phượng Chúa và phục vụ anh em phải đi đôi với nhau; quên một trong hai, các việc làm không có giá trị gì.

Hỡi những kẻ làm thủ lãnh Sôđôma,

hãy nghe lời Chúa,

hãy học biết lời Chúa chúng ta chỉ dạy,

hỡi dân Gômôrê!

Chúa phán, Ta không cần đến lễ vật của các người,

Ta không thèm đến các lễ vật toàn thiêu

bằng lừa và mỡ bò.

Máu bò, chiên dê làm Ta ghê tởm.

Các người đến trước nhan Ta làm gì?

Ai mời các người đến trong các sân Đền Thánh Ta?

hãy chấm dứt việc mang lễ vật vô ích:
 Ta ghét khói hương của chúng.
 Nào lễ đầu tuần trăng, Sabát, hội họp...
 Ta không chịu nổi các ngày lễ lạc của các người.
 Những lễ đầu tuần trăng và các cuộc thánh du,
 Ta ghê tởm chúng.
 Đó là gánh nặng cho Ta
 và Ta mệt nhọc vì phải chịu đựng chúng!
 Khi các người giang tay lên Ta cầu nguyện,
 Ta quay mặt,
 các người có mãi cầu xin, Ta không màng nghe.
 Tay các người đầy máu. hãy đi rửa và thanh tẩy.
 Hãy vất bỏ nổi gian ác trên mình các người,
 đừng làm bẩn mắt Ta.
 hãy ngưng làm ác,
 và cố học làm việc thiện,
 hãy tìm kiếm công chính,
 hãy cứu giúp kẻ bị áp bức,
 hãy công bằng với kẻ mồ côi,
 và bảo vệ bà góa. (Is 1,10-17)

Isaia rất lưu ý đến các quyết định chính trị trong triều
 vua. Ông nhận thấy các người điều khiển dân chúng chỉ lưu
 ý đến khía cạnh con người. Những người điều khiển này
 không lưu ý đến ý của Thiên Chúa. Họ quên rằng chỉ có
 Chúa mới cứu giúp được họ.

Đây là dân bội phản,
 gồm toàn lũ lão khoét,
 không muốn nghe lời Chúa dạy.
 Họ nói với kẻ có thị kiến: "Chớ có thị kiến gì nữa",
 và với các ngôn sứ:

"Đừng nói sự thật cho chúng tôi nghe nữa;
 các ngươi hãy nói những điều dễ nghe,
 hãy kể lại những giấc mơ ca tụng chúng tôi.
 Hãy đi nơi khác, hãy xa lánh chúng tôi,
 đừng nhắc chúng tôi mãi ở trước mặt Chúa,
 Đấng Thánh của Israel".

Vì thế, này đây là lời Đấng Thánh Israel phán dạy:

"Vì các ngươi vứt bỏ lời cảnh giác này,
 và chỉ tin vào lời lão khoét gian trá,
 lỗi các ngươi như một mảng lớn lù lù
 nằm trên thành lũy,
 đột nhiên sục xuống ập trên các ngươi,
 như binh sứ vỡ tan thành nghìn mảnh,
 đến độ không còn một miếng nhỏ nào
 có thể đựng được chút nước trong vũng!"
 Đây là lời Chúa Thiên Chúa, Đấng Thánh Israel.
 Các ngươi sẽ tìm được ơn cứu độ
 khi trở lại với Ta và chịu ở yên,
 các ngươi sẽ lấy lại sức lực
 khi không còn múa máy, và tin vào Ta.
 Nhưng các ngươi lại không muốn! (Is 30,9-15)

Tuy vậy, ngôn sứ loan báo sự nhân hậu của Thiên Chúa. Tình yêu của Chúa ở trên hết mọi sự. Chúa không thể bỏ dân Ngài. Một tương lai mới có thể mở ra. Ôn cứu độ cho dân Israel sẽ bắt đầu với một vị vua mới.

Một cành sẽ đâm chồi từ cây già Giétxê,
 một chồi non sẽ vươn lên từ rễ của nó.
 Thần khí của Chúa luôn ở trên người đó,
 Thần Khí ban khôn ngoan và thông thái,
 can trọng và can cường,
 hiểu biết và kính sợ Thiên Chúa.
 Người sẽ kính trọng Thiên Chúa.
 Người sẽ không phán xét dựa vào hoàn cảnh bên ngoài,
 Người sẽ không quyết định gì theo lời người ta đồn đãi;
 nhưng người sẽ phán xử kẻ yếu kém trong công chính,
 người làm cho luật pháp được tôn trọng
 đối với những dân nghèo trong xứ.
 Người sẽ đuổi kẻ bạo tàn bằng lời nói,
 và lấy hơi thở chấm dứt kẻ gian ác.
 Sự công chính sẽ như giây lưng ràng buộc quanh hông,
 sự chính trực cuộn lấy quanh mình người.
 Bấy giờ sói sống chung với cừu,
 báo ngủ gần dê tơ;
 bò non và sư tử cùng ở chung;
 sư tử cũng như bò sẽ gặm rơm;
 trẻ thơ vui đùa bên hang rắn,
 trong chỗ rắn nằm, trẻ nhỏ có thể thò tay.

Sẽ không còn sự ác, và tai vạ
trên núi thánh của Ta,
vì xứ sở sẽ đầy sự hiểu biết Thiên Chúa,
như nước gặp lại đáy biển sâu. (Is 11,1-9)

Vị vua đó cũng gọi là Đấng Thiên Sai. Ngài sẽ lo thực hiện sự công chính của Thiên Chúa trong cách sống và hành vi của Ngài. Ngôn sứ Giêrêmia nhân danh Thiên Chúa loan báo lời hứa ban một vị kế nghiệp David, vị này mở ngõ giúp con người đến ơn cứu độ của Thiên Chúa.

Chúa phán,
sẽ có ngày
Ta cho David một kẻ nối nghiệp;
đó sẽ là vị vua khôn ngoan
cai trị xứ sở bằng luật và công lý.
trong triều đại Người, Giuđa sẽ được cứu độ,
Israel sẽ sống an bình.
Và đây là tên mà người ta gọi Người:
"Chúa sự công chính của chúng ta". (Giêr 23,5-6)

Sứ điệp của Isaia đem lại an bình và hy vọng cho dân Israel. Tương lai ở trong tay Chúa; đó là một lý do khiến con người hoan hỉ.

Ước gì sa mạc và đất khô cằn hãy hoan hỉ,
đồng khô có thể vui mừng vì có hoa phủ,

như cành cẩm chướng, nó sẽ nở hoa.
 Nó sẽ nhảy mừng và lớn tiếng hòa ca.
 Cảnh hùng vĩ xứ Libăng,
 diễm kiều của núi Cát minh
 và đồng bằng Sarông tất cả sẽ được ban cho nó.
 Bây giờ người ta sẽ chứng kiến vinh quang Thiên Chúa,
 sự huy hoàng của Chúa chúng ta.
 Hãy giữ cho tay mỗi một cương cứng lên,
 hãy làm cho đầu gối rã rời đứng vững.
 Hãy nói với những ai tâm can đầy lo lắng:
 "Can đảm lên, chớ sợ! Đây Chúa các ngươi!
 Ngài đến báo thù cho các ngươi và thưởng các ngươi;
 Ngài đích thân đến cứu chúng ta".
 Bây giờ mắt người mù sẽ bắt đầu thấy,
 tai người điếc sẽ mở ra;
 bấy giờ người què nhảy nhót như nai,
 và người câm sẽ hét lên vui mừng,
 vì nước sẽ tuôn ra từ sa mạc,
 và các suối chảy trong đồng khô.
 Đất khô sẽ trở thành hồ,
 và xứ hạn hán sẽ đầy suối nước.
 Trong hang sỏi,
 cây lau, cây sậy mọc lên.
 Sẽ có một con đường ở đó,
 được gọi là thánh đạo.
 Ai không trong sạch sẽ không đi qua được,
 kẻ điên rồ không được vãng lai.

Không còn thấy có sư tử,
một dã thú nào nhảy nhót nơi đây.
Đó chính là nơi đi lại của những ai Chúa đã cứu chuộc,
là nơi lai vãng của kẻ đã được Chúa cứu thoát.
Họ sẽ đến Sion với những bài ca khải hoàn,
một niềm vui tràn trề làm rạng rỡ khuôn mặt họ,
một niềm vui tràn ngập tâm hồn,
bấy giờ ưu sầu và phiền não sẽ biến tan.